

LỜI MỞ ĐẦU

Kinh tế thị trường luôn gắn liền với cạnh tranh. Muốn tồn tại và phát triển đòi hỏi các doanh nghiệp phải biết cách chiến thắng các đối thủ cạnh tranh của mình. Để đạt được mục tiêu ấy, mỗi doanh nghiệp có những hướng đi khác nhau, những giải pháp khác nhau và sử dụng những công cụ khác nhau. Thực tế cho thấy, để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường ngoài việc nâng cao chất lượng, đa dạng hoá mẫu mã sản phẩm, phương thức phục vụ khách hàng..., thì điều đặc biệt quan trọng là phải tìm cách tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh nhằm hạ giá thành sản phẩm tạo lợi thế cạnh tranh về giá bán. Để đạt mục đích này, các nhà quản trị doanh nghiệp đặc biệt coi trọng việc sử dụng công cụ kế toán, nhất là kế toán nguyên vật liệu.

Trong các doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu là một trong 3 yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và là cơ sở để hình thành sản phẩm mới. Do đó muốn tối đa hoá lợi nhuận bên cạnh việc sử dụng đúng loại nguyên vật liệu, đảm bảo chất lượng Doanh nghiệp phải biết sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguyên vật liệu. Hơn nữa, vật liệu còn là một bộ phận quan trọng của hàng tồn kho do đó việc hạch toán và quản lý nguyên vật liệu đúng, đủ và kịp thời cho sản xuất đồng thời kiểm tra, giám sát được việc chấp hành các định mức tiêu hao nguyên vật liệu dự trữ, ngăn chặn việc sử dụng lãng phí vật liệu. Như vậy, có thể nói việc quản lý nguyên vật liệu là cần thiết từ đó đòi hỏi công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu phải được thực hiện tốt, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, hạ thấp chi phí trong giá thành.

Xuất phát từ những lý do trên, đồng thời qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại VIC em đã đi sâu tìm hiểu thực tế và nhận thấy được tầm quan trọng của nguyên vật liệu đối với quá trình sản xuất, sự cần thiết phải tổ chức quản lý nguyên vật liệu và công tác kế toán nguyên vật liệu của công ty; với những kiến thức thu nhận được trong quá trình học tập tại nhà trường; sự giúp đỡ nhiệt tình của các cô chú, anh chị trong phòng Tài chính- Kế toán, đặc biệt với sự hướng dẫn tận tình của cô giáo, PGS, T.S Trương Thị Thủy em đã đi sâu nghiên cứu về đề tài: **“Tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại VIC”**.

Về mặt kết cấu, ngoài phần mở đầu và kết luận, phần nội dung của luận văn được chia thành 3 chương :

Chương I: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.

Chương II: Tổ chức công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại VIC.

Chương III: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Thương mại VIC.

Do trình độ và thời gian thực tập có hạn, công tác quản lý hạch toán nguyên vật liệu rất phức tạp nên bản luận văn này mới chỉ đi vào tìm hiểu một số vấn đề chủ yếu và chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Vì vậy, em kính mong được sự đóng góp ý kiến của thầy cô giáo và các anh chị trong phòng Kế toán để đề tài được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC

KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất.

1.1.1. Nguyên vật liệu và vai trò của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

1.1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu.

- Khái niệm: Nguyên vật liệu là đối tượng lao động, là tài sản ngắn hạn và là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể sản phẩm.

- Đặc điểm: Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh. Nguyên vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh không giữ nguyên được hình thái vật chất ban đầu. Giá trị nguyên vật liệu được chuyển dịch một lần toàn bộ vào giá trị sản phẩm mới tạo ra hoặc vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

1.1.1.2. Vai trò của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

- Xét về mặt hiện vật: Nguyên vật liệu là một bộ phận quan trọng của tài sản lưu động.

- Xét về mặt giá trị: Nguyên vật liệu là bộ phận quan trọng của vốn lưu động.

Mặt khác chi phí nguyên vật liệu thường chiếm một tỉ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất sản phẩm, cho nên cần phải tăng cường công tác kế toán nguyên vật liệu, quản lý nguyên vật liệu một cách chặt chẽ nhằm sử dụng nguyên vật liệu một cách khoa học và có hiệu quả.

1.1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

Xuất phát từ vai trò, đặc điểm của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất việc quản lý nguyên vật liệu đòi hỏi phải chặt chẽ, khoa học ở tất cả các khâu thu mua, bảo quản, dự trữ và sử dụng. Cụ thể:

- **Khâu thu mua:** Để quá trình sản xuất kinh doanh được tiến hành bình thường thì doanh nghiệp phải thường xuyên đảm bảo cho các loại nguyên vật liệu được thu mua đủ khối lượng, đúng quy cách, chủng loại. Kế hoạch thu mua đúng tiến độ phù hợp với kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp. Đồng thời, doanh nghiệp phải thường xuyên tiến hành phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch thu mua để từ đó chọn nguồn mua đảm bảo về số lượng, chất lượng, giá cả và chi phí thu mua thấp nhất.

- **Khâu bảo quản:** Tổ chức bảo quản nguyên vật liệu phải quan tâm tới việc tổ chức tốt kho tàng, bến bãi, trang bị đầy đủ các phương tiện cân đo kiểm tra, thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với từng loại nguyên vật liệu, tránh hư hỏng mất mát, hao hụt đảm bảo an toàn là một trong những yêu cầu quản lý nguyên vật liệu.

- **Khâu dự trữ:** Thúc đẩy nhanh quá trình chuyển hóa của nguyên vật liệu, hạn chế nguyên vật liệu bị ứ đọng, rút ngắn chu kỳ sản xuất kinh doanh là một đòi hỏi đối với khâu dự trữ. Do đó, doanh nghiệp phải xây dựng định mức tối đa và định mức dự trữ tối thiểu cho từng loại nguyên vật liệu để đảm bảo cho quá trình sản xuất không bị đình trệ, gián đoạn do việc cung cấp, thu mua không kịp thời hoặc gây ra tình trạng ứ đọng vốn do việc dự trữ quá nhiều.

- **Khâu sử dụng:** Quản lý ở khâu sử dụng phải thực hiện việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở định mức, dự toán chi phí nhằm hạ thấp chi phí, tiêu hao nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm tăng tích lũy cho doanh nghiệp. Do vậy, ở khâu này cần phải tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

Như vậy, công tác quản lý vật liệu rất quan trọng. Trong thực tế vẫn còn có nhiều doanh nghiệp để thất thoát nguyên vật liệu do không có sự quản lý tốt ở các khâu hoặc không thực hiện đúng yêu cầu. Vậy nên, để quản lý tốt nguyên vật liệu thì doanh nghiệp phải luôn cải tiến công tác quản lý nguyên vật liệu cho phù hợp với thực tế.

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán trong việc quản lý, sử dụng nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý kế toán trong doanh nghiệp cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện việc phân loại, đánh giá vật liệu phù hợp với các nguyên tắc chuẩn mực kế toán đã quy định và yêu cầu quản trị của doanh nghiệp.

- Tổ chức chứng từ, tài khoản kế toán, sổ kế toán phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho áp dụng trong doanh nghiệp để ghi chép, phân loại tổng hợp số liệu đầy đủ, kịp thời số hiện có và tình biến động tăng, giảm của vật liệu trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm cung cấp thông tin để tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh, xác định trị giá vốn hàng bán

- Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về mua vật liệu, kế hoạch sử dụng vật liệu cho sản xuất và kế hoạch bán hàng.

Tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu là rất cần thiết do vậy doanh nghiệp cần phải tổ chức khoa học hợp lý để cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ phục vụ cho yêu cầu quản trị doanh nghiệp.

1.2. Phân loại nguyên vật liệu và tính giá nguyên vật liệu.

1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu.

1.2.1.1. Sự cần thiết phải phân loại nguyên vật liệu.

- Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp phải sử dụng rất nhiều loại, thứ nguyên vật liệu khác nhau với nội dung kinh tế, công dụng, tính năng lý hóa khác nhau. Khi tổ chức hạch toán chi tiết đối với từng loại nguyên vật liệu phục vụ cho kế toán quản trị, doanh nghiệp cần phải tiến hành phân loại nguyên vật liệu. Mỗi doanh nghiệp nên sử dụng những loại nguyên vật liệu khác nhau và sự phân chia cũng khác nhau theo từng tiêu thức nhất định.

- Phân loại nguyên vật liệu là việc phân chia nguyên vật liệu của doanh nghiệp thành các loại các nhóm theo tiêu thức phân loại nhất định.

1.2.1.2. Phương pháp phân loại nguyên vật liệu.

Thứ nhất: Căn cứ vào nội dung kinh tế và vai trò của chúng trong quá trình sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu được chia thành các loại sau:

- Nguyên liệu, vật liệu chính: Là những loại nguyên liệu và vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Vì vậy, khái niệm nguyên liệu, vật liệu chính gắn liền với từng Doanh nghiệp sản xuất cụ thể. Trong các Doanh nghiệp kinh doanh thương mại dịch vụ... không đặt ra khái niệm vật liệu chính, vật liệu phụ. Nguyên liệu, vật liệu chính cũng bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất và chế tạo ra sản phẩm.

-Vật liệu phụ: Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bên ngoài, tăng thêm chất lượng của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường.

- Nhiên liệu: Là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh như: xăng, dầu ... tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, thể rắn và thể khí.

- Phụ tùng thay thế: Là những loại vật tư, phụ tùng, chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa những máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất...

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Là những loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, thiết bị không cần lắp, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình xây dựng cơ bản.

- Vật liệu khác: Là những loại vật liệu chưa được xếp vào các loại trên, thường là những vật liệu được loại ra từ quá trình sản xuất như sắt, thép, gỗ vụn hay phế liệu thu hồi được từ việc thanh lý tài sản cố định.

Tác dụng: Cách phân loại này là cơ sở để xây dựng định mức tiêu hao cho từng loại ,từng thứ nguyên vật liệu và cũng là cơ sở để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Thứ hai: Căn cứ vào nguồn gốc nguyên vật liệu, chia nguyên vật liệu thành:

- Nguyên vật liệu mua ngoài.
- Nguyên vật liệu tự chế biến, thuê gia công.
- Nguyên vật liệu từ các nguồn khác: nhận góp vốn, cấp phát, tài trợ, biếu tặng

Tác dụng: Cách phân loại này giúp cho việc xây dựng kế hoạch, tìm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu sao cho có hiệu quả nhất.

Thứ ba: Căn cứ vào mục đích, công dụng của nguyên vật liệu có thể chia nguyên vật liệu thành:

- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh gồm:
 - + Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất chế tạo sản phẩm.
 - + Nguyên vật liệu dùng cho quản lý ở các phân xưởng, dùng cho bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp.

- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu khác:
 - + Nhượng bán;
 - + Đem góp vốn liên doanh;
 - + Đem quyên tặng;

Tác dụng: Cách phân loại này giúp cho việc xác định trọng tâm cần phải quản lý những loại nguyên vật liệu nào .

Ngoài các cách phân loại vật liệu như trên, để phục vụ cho việc quản lý vật tư một cách tỉ mỉ, chặt chẽ, đặc biệt trong điều kiện ứng dụng tin học vào công tác kế toán cần phải lập danh điểm vật liệu.

Lập danh điểm vật liệu là quy định cho mỗi thứ vật liệu một ký hiệu riêng bằng hệ thống các chữ số (Kết hợp với các chữ cái) thay thế tên gọi, quy cách, kích cỡ của chúng. Tùy theo từng doanh nghiệp, hệ thống danh điểm vật tư có thể được xây dựng theo nhiều cách thức khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Thông thường hay dùng ký hiệu tài khoản cấp 1, tài khoản cấp 2 để ký hiệu loại, nhóm vật liệu kết hợp với chữ cái tên vật tư để ký hiệu tên vật tư.

Danh điểm vật tư được sử dụng thống nhất giữa các bộ phận quản lý liên quan trong doanh nghiệp nhằm thống nhất trong quản lý từng thứ vật tư.

1.2.2. Tính giá nguyên vật liệu.

1.2.2.1. Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu.

Đánh giá nguyên vật liệu là việc xác định giá trị của vật liệu ở những thời điểm nhất định và theo những nguyên tắc nhất định. Các nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu:

- Nguyên tắc giá gốc: Theo chuẩn mực 02 – Hàng tồn kho vật liệu phải được đánh giá theo giá gốc. Giá gốc hay được gọi là trị giá vốn thực tế của vật liệu là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có được những vật liệu đó ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Nguyên tắc thận trọng: Vật liệu được đánh giá theo giá gốc, nhưng trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể được thực hiện. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

- Nguyên tắc nhất quán: Các phương pháp kế toán áp dụng trong đánh giá vật liệu phải đảm bảo tính nhất quán. Tức là kế toán đã chọn phương pháp nào thì phải áp dụng phương pháp đó nhất quán trong suốt niên độ kế toán. Doanh nghiệp có thể thay đổi phương pháp đã chọn, nhưng phải đảm bảo phương pháp thay thế cho phép trình bày thông tin kế toán một cách trung thực và hợp lý hơn, đồng thời phải giải thích được ảnh hưởng của sự thay đổi đó

Sự hình thành trị giá vốn thực tế của vật liệu được phân biệt ở các thời điểm khác nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh:

- + Thời điểm mua xác định trị giá vốn thực tế hàng mua.
- + Thời điểm nhập kho xác định trị giá vốn thực tế hàng nhập.
- + Thời điểm xuất kho xác định trị giá vốn thực tế hàng xuất.
- + Thời điểm tiêu thụ xác định trị giá vốn thực tế hàng tiêu thụ.

1.2.2.2. Tính giá nguyên vật liệu.

Thứ nhất: Trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu nhập kho.

Vật liệu trong doanh nghiệp được đánh giá theo trị giá vốn thực tế của vật liệu nhập kho. Theo phương pháp này, trị giá vốn thực tế của vật liệu nhập kho được xác định theo từng nguồn nhập. Trong doanh nghiệp, nguyên vật liệu được nhập từ nhiều nguồn khác nhau mà giá trị của chúng trong từng trường hợp được xác định như sau:

- Nhập kho do mua ngoài:

+ Trị giá vốn thực tế nhập kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua vật tư, trừ đi các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán do không đúng quy cách, phẩm chất.

+ Trường hợp vật liệu mua vào được sử dụng cho đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, giá mua là giá chưa có thuế GTGT.

+ Trường hợp vật liệu mua vào được sử dụng cho đối tượng không chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, hoặc sử dụng cho các mục đích phúc lợi, các dự án... thì giá mua đã bao gồm cả thuế GTGT (là tổng giá thanh toán).

- Nhập kho do tự sản xuất: Trị giá vốn thực tế nhập kho là giá thành sản xuất của nguyên vật liệu tự sản xuất chế biến.

- Nhập kho do thuê ngoài gia công chế biến: Trị giá vốn thực tế nhập kho bao gồm giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho thuê ngoài gia công cộng số tiền phải trả cho người nhận gia công chế biến cộng các chi phí vận chuyển bốc dỡ khi giao nhận.

- Nhập vật tư do nhận vốn góp liên doanh: Trị giá vốn thực tế của vật liệu nhập kho là giá do hội đồng liên doanh thoả thuận cộng các chi phí phát sinh khi nhận.

- Nhập vật tư do được cấp: Trị giá vốn thực tế nhập kho là giá trị hợp lý cộng các chi phí phát sinh khi nhập.

- Nhập vật tư do được biếu tặng, được tài trợ: Trị giá vốn thực tế nhập kho là giá trị hợp lý cộng các chi phí khác phát sinh.

Thứ hai: Trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho.

Về nguyên tắc hàng nhập kho theo giá nào thì xuất kho theo giá đó. Nhưng nguyên vật liệu được nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau nên có nhiều giá khác nhau. Tùy theo đặc điểm, yêu cầu quản lý, trình độ quản lý của từng doanh nghiệp mà doanh nghiệp sẽ áp dụng một trong 4 phương pháp được quy định trong chuẩn mực hàng tồn kho (chuẩn mực số 02) để xác định trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho:

- Phương pháp tính theo giá đích danh:

Theo phương pháp này khi xuất kho vật liệu thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính trị giá vốn thực tế của vật liệu xuất kho. Phương pháp này được áp dụng cho những doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, giá trị của từng loại nguyên vật liệu tương đối lớn có thể nhận diện được từng lô hàng.

+ Ưu điểm: Công tác tính giá NVL được thực hiện kịp thời và thông qua việc tính giá NVL xuất kho, kế toán có thể theo dõi được thời hạn bảo quản của từng lô NVL.

+ Nhược điểm: Áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe chỉ có thể áp dụng được khi hàng tồn kho có thể phân biệt, chia tách ra thành từng loại, từng thứ riêng lẻ.

- Phương pháp bình quân gia quyền:

Trị giá vốn thực tế của vật liệu xuất kho được tính căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế vật liệu xuất kho} = \text{Số lượng vật liệu xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

Đơn giá bình quân gia quyền có thể tính theo một trong hai cách sau:

+ Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vốn thực tế NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

Đơn giá bình quân có thể xác định cho cả kỳ được gọi là đơn giá bình quân cả kỳ hay đơn giá bình quân cố định. Theo cách tính này, khối lượng tính toán giảm nhưng chỉ tính được trị giá vốn thực tế của vật liệu vào thời điểm cuối kỳ nên không thể cung cấp thông tin kịp thời.

+ Đơn giá bình quân có thể xác định sau mỗi lần nhập hoặc tính vào thời điểm trước mỗi lần xuất được gọi là đơn giá bình quân liên hoàn hay đơn giá bình quân di động.

$$\begin{array}{rcc}
 & \text{Trị giá nguyên} & \text{Trị giá} \\
 & \text{vật liệu tồn kho mỗi lần} & \text{nguyên vật liệu} \\
 \text{ĐGBQ} & & + \\
 \text{Sau} & \text{nhập} & \text{nhập kho} \\
 \text{mỗi lần nhập} & = \frac{\text{Số lượng nguyên}}{\text{vật liệu tồn kho mỗi}} & \frac{\text{Tổng}}{\text{lượng nguyên}} \\
 & \text{lần nhập} & \text{vật liệu nhập kho}
 \end{array}$$

Cách tính này xác định trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho hàng ngày, nên có thể cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác.

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO).

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Phương pháp này áp dụng ở những doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, số lần nhập xuất kho nguyên vật liệu không nhiều.

+ Ưu điểm: Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm, cho phép kế toán có thể tính giá NVL xuất kho kịp thời.

+ Nhược điểm: Phương pháp này làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những chi phí hiện tại.

- Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO).

Phương pháp này dựa trên giả định là hàng nào nhập sau được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên.

+ Ưu điểm: Phương pháp này thích hợp trong trường hợp đơn giá thực tế vật tư nhập kho trong từng lần tăng dần, đảm bảo thu hồi vốn nhanh và tồn kho ít.

+ Nhược điểm: Chất lượng của công tác tính giá phụ thuộc vào sự ổn định của giá cả vật tư. Trong trường hợp giá cả của vật tư biến động mạnh thì việc xuất theo phương pháp này sẽ mất tính chính xác và sẽ gây bất hợp lý.

- Phương pháp giá hạch toán.

Đối với các doanh nghiệp có nhiều loại hàng, giá cả thường xuyên biến động, nghiệp vụ nhập xuất diễn ra thường xuyên thì việc hạch toán theo giá thực tế trở nên phức tạp, tốn nhiều công sức và nhiều khi không thực hiện được. Do đó, việc hạch toán hàng ngày nên sử dụng giá hạch toán.

Giá hạch toán là loại giá ổn định, doanh nghiệp có thể sử dụng trong thời gian dài để hạch toán nhập, xuất, tồn kho hàng trong khi chưa tính được giá thực tế của nó. Doanh nghiệp có thể sử dụng giá kế hoạch hoặc giá mua hàng hoá ở một thời điểm nào đó hay giá hàng bình quân tháng trước để làm giá hạch toán. Sử dụng giá hạch toán để giảm bớt khối lượng cho công tác kế toán nhập xuất hàng ngày nhưng cuối tháng phải tính chuyển giá hạch toán của hàng xuất, tồn kho theo giá thực tế. Việc tính chuyển dựa trên cơ sở hệ số giữa giá thực tế và giá hạch toán.

$$\begin{array}{rcc}
 & & \text{Trị giá} \\
 & & \text{nguyên vật liệu} \\
 & & \text{nhập kho} \\
 \text{Hệ số} & & + \\
 & \text{Trị giá nguyên} & \\
 & \text{vật liệu tồn kho đầu kỳ} & \\
 \text{giá nguyên} & = & \frac{\text{Trị giá}}{\text{Trị giá}} \\
 \text{liệu, vật liệu} & & \text{hạch toán vật tư} \\
 & \text{Trị giá hạch toán} & \text{nhập kho} \\
 & \text{vật tư tồn kho đầu kỳ} & +
 \end{array}$$

Sau khi tính hệ số giá, kế toán tiến hành điều chỉnh giá hạch toán trong kỳ thành giá thực tế vào cuối kỳ kế toán.

Trị giá thực tế hàng xuất = Hệ số giá × Trị giá hạch toán của hàng xuất kho

Trị giá thực tế hàng tồn cuối kỳ = Hệ số giá × Trị giá hạch toán của hàng tồn cuối kỳ

Phương pháp hệ số giá cho phép kết hợp chặt chẽ hạch toán chi tiết và hạch toán tổng hợp về hàng trong công tác tính giá, nên công việc tính giá được tiến

hành nhanh chóng do chỉ phải theo dõi biến động của hàng cùng với một mức giá và đến cuối kỳ mới điều chỉnh và không bị phụ thuộc vào số lượng danh điểm hàng, số lần nhập, xuất của mỗi loại nhiều hay ít. Phương pháp này phù hợp với các doanh nghiệp có nhiều chủng loại hàng và đội ngũ kế toán có trình độ chuyên môn cao.

1.3. Nội dung tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.

1.3.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp.

- Kế toán chi tiết nguyên vật liệu là việc hạch toán kết hợp giữa thủ kho và phòng kế toán trên cùng cơ sở các chứng từ nhập, xuất kho nhằm đảm bảo theo dõi chặt chẽ số hiện có và tình hình biến động của từng loại, từng nhóm, thứ vật tư về số lượng và giá trị.

- Các doanh nghiệp phải tổ chức hệ thống chứng từ, mở các sổ kế toán chi tiết và vận dụng phương pháp hạch toán chi tiết vật liệu phù hợp để tăng cường quản lý nguyên vật liệu.

1.3.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc nhập, xuất vật liệu đều phải lập chứng từ đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ quy định.

Theo chế độ chứng từ kế toán ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các chứng từ kế toán về vật liệu bao gồm:

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu 05-VT)
- Hoá đơn GTGT- MS 01 GTKT- LN
- Hoá đơn bán hàng mẫu 02 GTKT- LN
- Hoá đơn cước vận chuyển (Mẫu 03-BH)

Đối với các chứng từ này phải lập kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định về mẫu biểu, nội dung, phương pháp lập. Người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh.

Ngoài các chứng từ bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của Nhà nước, các doanh nghiệp có thể sử dụng thêm các chứng từ hướng dẫn:

- Biên bản kiểm nghiệm (Mẫu 03-VT)
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu 04-VT)

Mọi chứng từ kế toán phải được tổ chức luân chuyển theo đúng trình tự và thời gian hợp lý do kế toán trưởng ở đơn vị quy định, nhằm phục vụ cho việc ghi chép, tổng hợp và cung cấp số liệu kịp thời, đầy đủ cho các cá nhân, bộ phận liên quan.

1.3.1.2. Các sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

Sổ kế toán chi tiết phục vụ cho việc hạch toán chi tiết các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến đối tượng kế toán cần hạch toán chi tiết. Tùy thuộc vào phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu áp dụng trong doanh nghiệp mà sử dụng các sổ (thẻ) kế toán chi tiết như sau:

- Thẻ kho.
- Sổ (thẻ) kế toán chi tiết nguyên vật liệu.
- Sổ đối chiếu luân chuyển.
- Sổ số dư.

Ngoài các sổ kế toán chi tiết nêu trên, còn có thể sử dụng các bảng kê nhập, xuất, các bảng lũy kế tổng hợp nhập - xuất - tồn nguyên vật liệu phục vụ cho việc ghi sổ kế toán chi tiết được đơn giản, nhanh chóng, kịp thời.

1.3.1.3. Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

Thứ nhất: Phương pháp ghi thẻ song song.

- Nội dung:

+ Ở kho: Thủ kho dùng “Thẻ kho” để ghi chép hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật tư, danh điểm vật tư theo chỉ tiêu số lượng. Danh điểm vật tư là mã số chi tiết cho từng loại vật tư.

Khi nhận chứng từ nhập, xuất vật tư thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhận, thực xuất vào chứng từ và thẻ kho; cuối ngày tính ra số tồn kho để ghi vào cột tồn trên thẻ kho. Định kỳ,

thủ kho gửi các chứng từ nhập - xuất đã phân loại theo từng thứ vật tư cho phòng kế toán.

+ Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết để ghi chép tình hình nhập - xuất cho từng thứ vật tư theo cả 2 chỉ tiêu số lượng và giá trị.

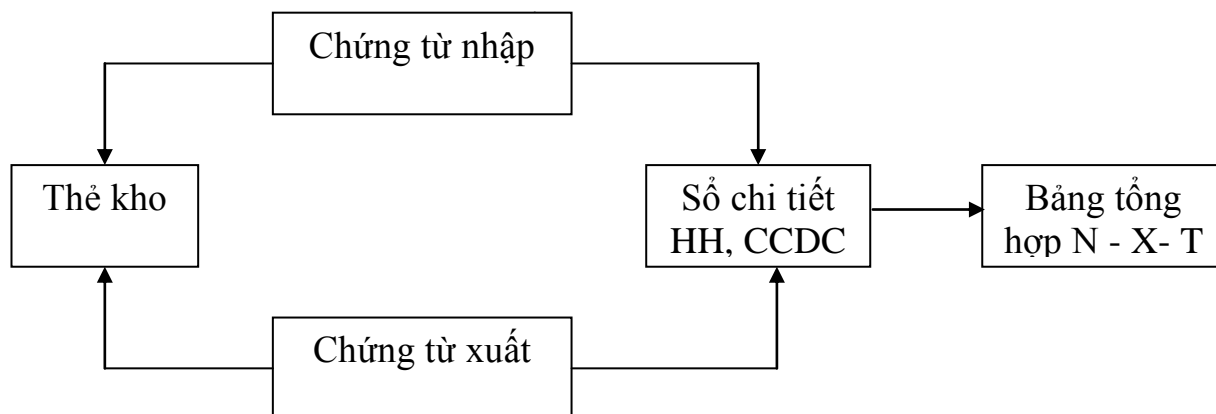
Kế toán khi nhận được chứng từ nhập, xuất của thủ kho gửi lên, kế toán kiểm tra lại chứng từ, hoàn chỉnh chứng từ; căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất kho để ghi vào sổ (thẻ) chi tiết vật tư. Mỗi chứng từ được ghi một dòng.

Cuối tháng, kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu trên sổ kế toán tổng hợp, sau đó tiến hành đối chiếu:

- + Đối chiếu sổ kế toán chi tiết với thẻ kho của thủ kho.
- + Đối chiếu số liệu dòng tổng cộng trên bảng tổng hợp chi tiết vật liệu với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp.
- + Đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết với số liệu kiểm kê thực tế.

Có thể khái quát nội dung, trình tự hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp ghi sổ song song theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←.....→ Kiểm tra, đối chiếu

- Ưu điểm: Phương pháp này ghi chép đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra đối chiếu.

- Nhược điểm:

+ Khối lượng ghi chép lớn (đặc biệt trường hợp doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư).

+ Việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng.

- Điều kiện áp dụng:

+ Đối với kế toán thủ công: Thích hợp với các doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, khối lượng các nghiệp vụ nhập, xuất ít, phát sinh không thường xuyên.

+ Đối với doanh nghiệp ứng dụng phần mềm kế toán: Áp dụng rộng rãi cho các doanh nghiệp, kể cả các doanh nghiệp có chủng loại vật tư nhiều, các nghiệp vụ kế toán nhập, xuất thường xuyên.

Thứ hai: Phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển.

- Nội dung:

+ Ở kho: Thủ kho sử dụng “thẻ kho” để ghi chép giống như phương pháp ghi thẻ song song.

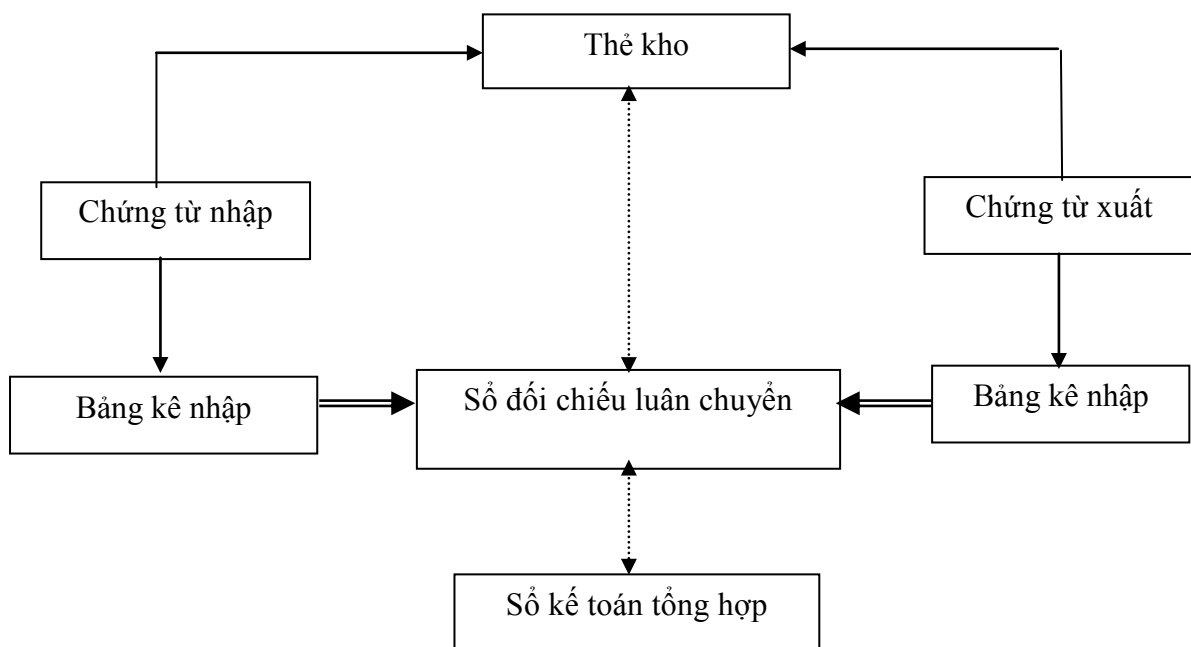
+ Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng “Sổ đối chiếu luân chuyển” để ghi chép cho từng thứ vật tư theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị. “Sổ đối chiếu luân chuyển” được mở cho cả năm và được ghi vào cuối tháng, mỗi thứ vật tư được ghi một dòng trên sổ.

Hàng ngày, khi nhận được chứng từ nhập - xuất kho, kế toán tiến hành kiểm tra và hoàn chỉnh chứng từ. Sau đó tiến hành phân loại chứng từ theo từng thứ vật tư, danh mục vật tư chứng từ nhập riêng, chứng từ xuất riêng. Hoặc kế toán có thể lập “bảng kê nhập”, “bảng kê xuất”.

Cuối tháng, tổng hợp số liệu từ các chứng từ (hoặc từ bảng kê) để ghi vào “Sổ đối chiếu luân chuyển” cột luân chuyển và tính ra số tồn cuối tháng. Đồng thời, kế toán thực hiện đối chiếu số liệu trên sổ này với các số liệu trên thẻ kho và trên sổ kế toán tài chính liên quan (nếu cần).

Trình tự ghi sổ có thể được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi sổ đối luân chuyển



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←.....→ Kiểm tra, đối chiếu

- Ưu điểm: Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

- Nhược điểm:

+ Vẫn trùng lặp chỉ tiêu số lượng giữa ghi chép của thủ kho và kế toán.

+ Việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa thủ kho và phòng kế toán chỉ được tiến hành vào cuối tháng, vì vậy hạn chế việc kiểm tra của phòng kế toán.

- Điều kiện áp dụng: Thích hợp cho những doanh nghiệp có chủng loại nguyên vật liệu ít, không có điều kiện theo dõi, ghi chép thường xuyên tình hình nhập, xuất hàng ngày. Phương pháp này thường được áp dụng ít trong thực tế.

Thứ ba: Phương pháp ghi sổ số dư.

- Nội dung:

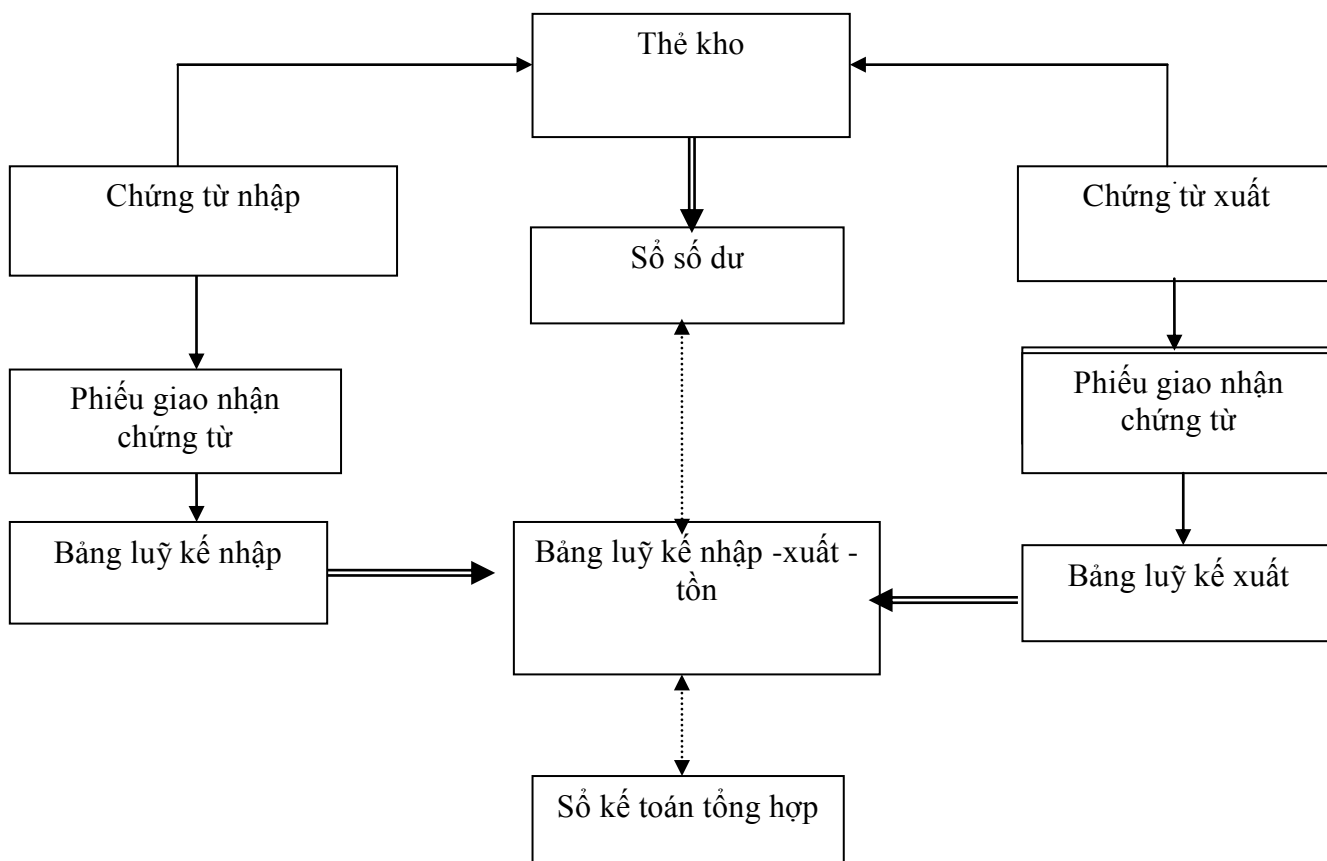
+ Ở kho: Thủ kho sử dụng “thẻ kho” để ghi chép giống như hai phương pháp ghi trên. Đồng thời cuối tháng, thủ kho còn ghi vào “sổ số dư” số lượng tồn kho cuối tháng của từng thứ nguyên vật liệu.

Sổ số dư do kế toán lập cho từng kho, được mở cho cả năm. Trên sổ số dư nguyên vật liệu được xếp theo thứ, nhóm, loại. Sau mỗi nhóm, loại có dòng cộng nhóm, cộng loại. Cuối tháng, sổ số dư được chuyển cho thủ kho ghi chép.

+ Ở phòng kế toán: Mở bảng kê lũy kế nhập và bảng kê lũy kế xuất. Cuối tháng, căn cứ vào các bảng kê này để cộng tổng số tiền theo từng nhóm nguyên vật liệu để ghi vào bảng lũy kế nhập - xuất - tồn. Đối chiếu số liệu trên bảng lũy kế nhập - xuất - tồn với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp.

Trình tự ghi sổ có thể được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi sổ số dư.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-----> Kiểm tra, đối chiếu

- Ưu điểm: Giảm bớt được khối lượng ghi chép do kế toán chỉ ghi chỉ tiêu tiền của nguyên vật liệu theo nhóm và theo loại.

Phương pháp này đã kết hợp chặt chẽ giữa hạch toán nghiệp vụ và hạch toán kế toán. Kế toán đã thực hiện kiểm tra được thường xuyên việc ghi chép và bảo quản trong kho của thủ kho. Công việc được dàn đều trong tháng.

- Nhược điểm: Kế toán chưa theo dõi chi tiết đến từng thứ nguyên vật liệu nên phải căn cứ vào thẻ kho thì mới có được số liệu về tình hình nhập, xuất, tồn của từng thứ nguyên vật liệu.

- Điều kiện áp dụng: Nên áp dụng trong các doanh nghiệp sử dụng nhiều chủng loại nguyên vật liệu, tình hình nhập xuất nguyên vật liệu thường xuyên. Doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống giá hạch toán sử dụng trong hạch toán chi tiết vật tư và xây dựng được hệ thống danh điểm vật tư hợp lý.

1.3.2. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp kê khai thường xuyên: Là phương pháp theo dõi và phản ánh một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của vật tư, hàng hoá trên sổ kế toán.

Trong trường hợp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên, các tài khoản kế toán hàng tồn kho được dùng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng, giảm của vật tư, hàng hoá. Vì vậy, giá trị hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Phương pháp kê khai thường xuyên thường áp dụng trong các đơn vị sản xuất (công nghiệp, xây lắp...) và các đơn vị thương nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị, hàng có kỹ thuật, chất lượng cao...

1.3.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

1.3.2.1.1. Tài khoản kế toán sử dụng.

Để phản ánh số hiện có và tình hình biến động của nguyên vật liệu, kế toán sử dụng :

- **Tài khoản 152 " Nguyên liệu vật liệu"**: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại nguyên vật liệu trong kho của doanh nghiệp.

TK 152 có thể được mở theo dõi chi tiết các TK cấp 2 theo từng loại nguyên vật liệu phù hợp với nội dung kinh tế và yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Bao gồm:

TK 1521 - Nguyên vật liệu chính

TK 1522 - Vật liệu phụ

TK 1523 - Nhiên liệu

TK 1524 - Phụ tùng thay thế

TK 1525 - Thiết bị xây dựng cơ bản

TK 1528 - Vật liệu khác

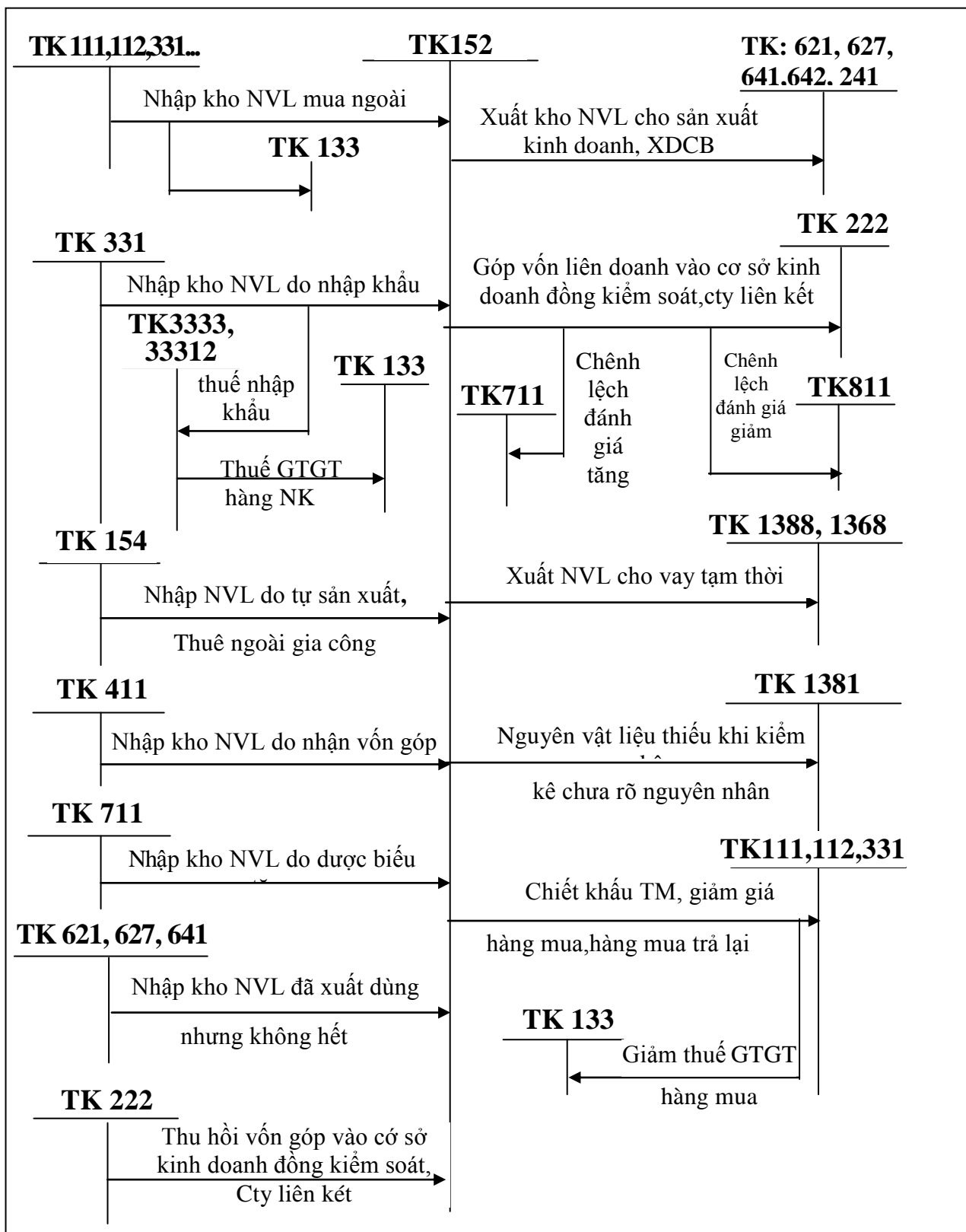
- **Tài khoản 151 "Hàng mua đang đi đường"**: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của các loại vật tư, hàng hoá mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bên cảng, bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng còn đang chờ kiểm nhận nhập kho.

- Ngoài các tài khoản trên, kế toán còn sử dụng các tài khoản liên quan khác như: TK 111, TK 112, TK 133, TK 141, TK 331, TK 411, TK621, TK 627

1.3.2.1.2. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu.

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.4: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên (Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).



1.3.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

Về cơ bản các nghiệp vụ liên quan tới tăng, giảm nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp cũng tương tự như Doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, chỉ có một điểm khác đó là:

- Trong giá hàng mua đã có cả thuế GTGT đầu vào, vì vậy kế toán không còn sử dụng tài khoản 133.

- Trong giá hàng bán có cả thuế GTGT đầu ra, vì vậy trong kỳ kế toán không sử dụng tài khoản 3331(chỉ tới cuối kỳ sau khi xác định được số tiền thuế GTGT phải nộp kế toán mới sử dụng tài khoản 3331 để phản ánh định khoản).

1.3.3. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của vật tư, hàng hoá trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng hoá, vật tư đã xuất dùng theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Tổng giá trị hàng} & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{xuất kho} & = & \text{tồn kho đầu} & + & \text{nhập kho trong kỳ} & - & \text{tồn kho cuối} \\ \text{trong kỳ} & & \text{kỳ} & & & & \text{kỳ} \end{array}$$

Theo phương pháp này, mọi biến động của vật tư hàng hoá (nhập, xuất, tồn kho) không theo dõi phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Giá trị của vật tư, hàng hoá mua vào nhập kho trong kỳ được theo dõi phản ánh trên một tài khoản riêng: TK 611 "Mua hàng".

Công tác kiểm kê vật tư, hàng hoá được tiến hành cuối mỗi kỳ kế toán để xác định giá trị vật tư, hàng hoá tồn kho thực tế; trị giá vật tư hàng hoá xuất kho trong kỳ làm căn cứ để ghi sổ kế toán của TK 611 "Mua hàng".

Áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, các tài khoản kế toán hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán (để kết chuyển số dư đầu kỳ và cuối kỳ kế toán, phản ánh giá trị thực tế hàng tồn kho cuối kỳ).

1.3.3.1. Tài khoản sử dụng.

- **Tài khoản 611 "Mua hàng"**: Tài khoản này sử dụng để phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu mua vào, nhập kho, hoặc sử dụng trong kỳ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 611:

+ Bên Nợ:

Kết chuyển giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê).

Giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, mua vào trong kỳ, hàng hoá đã bán bị trả lại...

+ Bên Có:

Kết chuyển giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê).

Giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hoá xuất bán (chưa xác định là đã bán trong kỳ).

Giá gốc nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ hàng hóa mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.

Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ.

- **Tài khoản 152 "Nguyên vật liệu"**: Dùng để phản ánh thực tế nguyên liệu, vật liệu tồn kho, chi tiết theo từng loại.

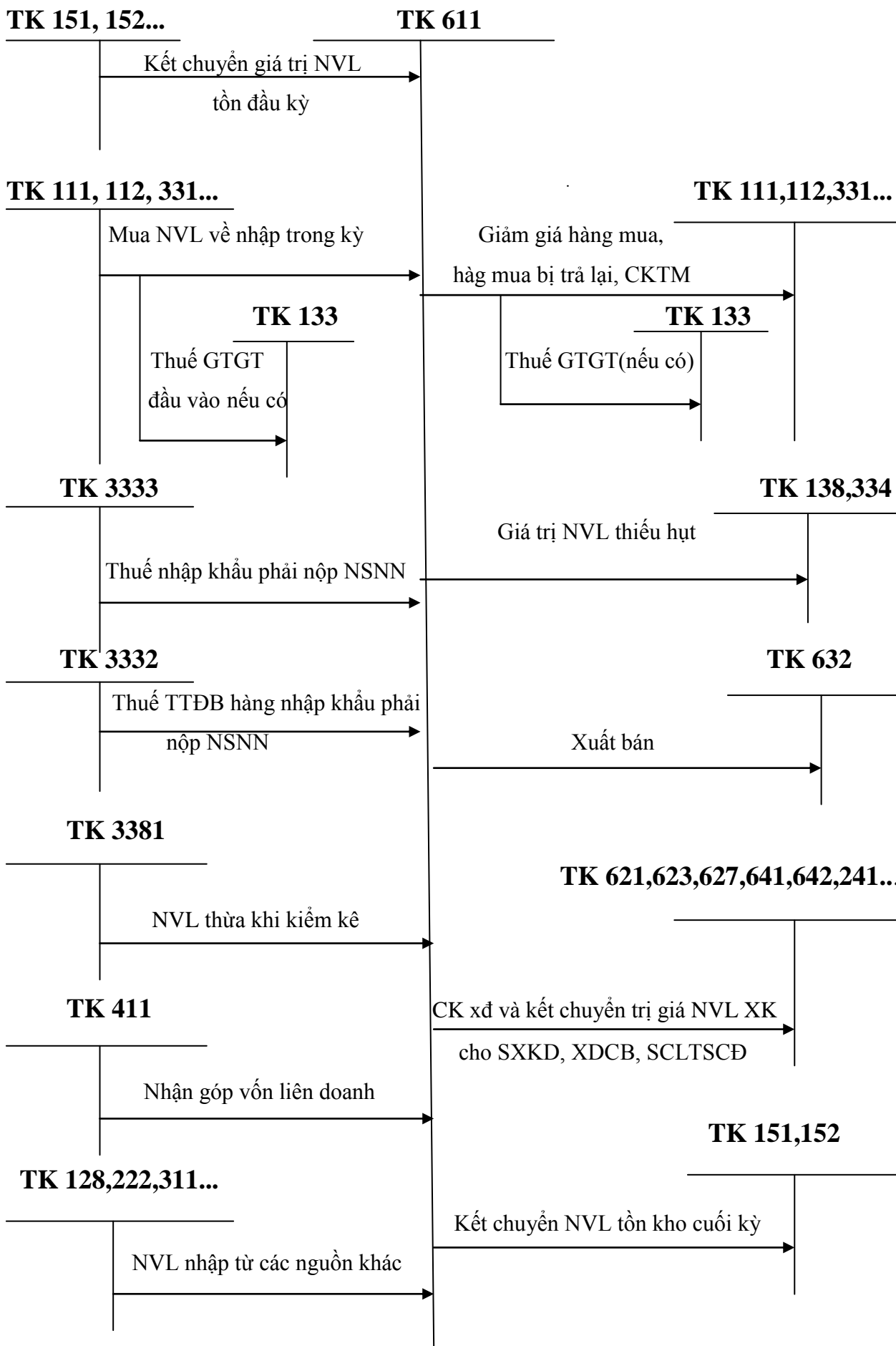
- Tài khoản 151 "Hàng mua đang đi đường"

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như: TK 111, TK 112, TK 331...

1.3.3.2. Phương pháp hạch toán.

Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ được mô tả theo sơ đồ:

Sơ đồ 1.5: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



1.3.4. Tổ chức sổ sách kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo các hình thức kế toán.

Theo quy định hiện hành, doanh nghiệp có thể sử dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung;
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái;
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ;
- Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ;
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

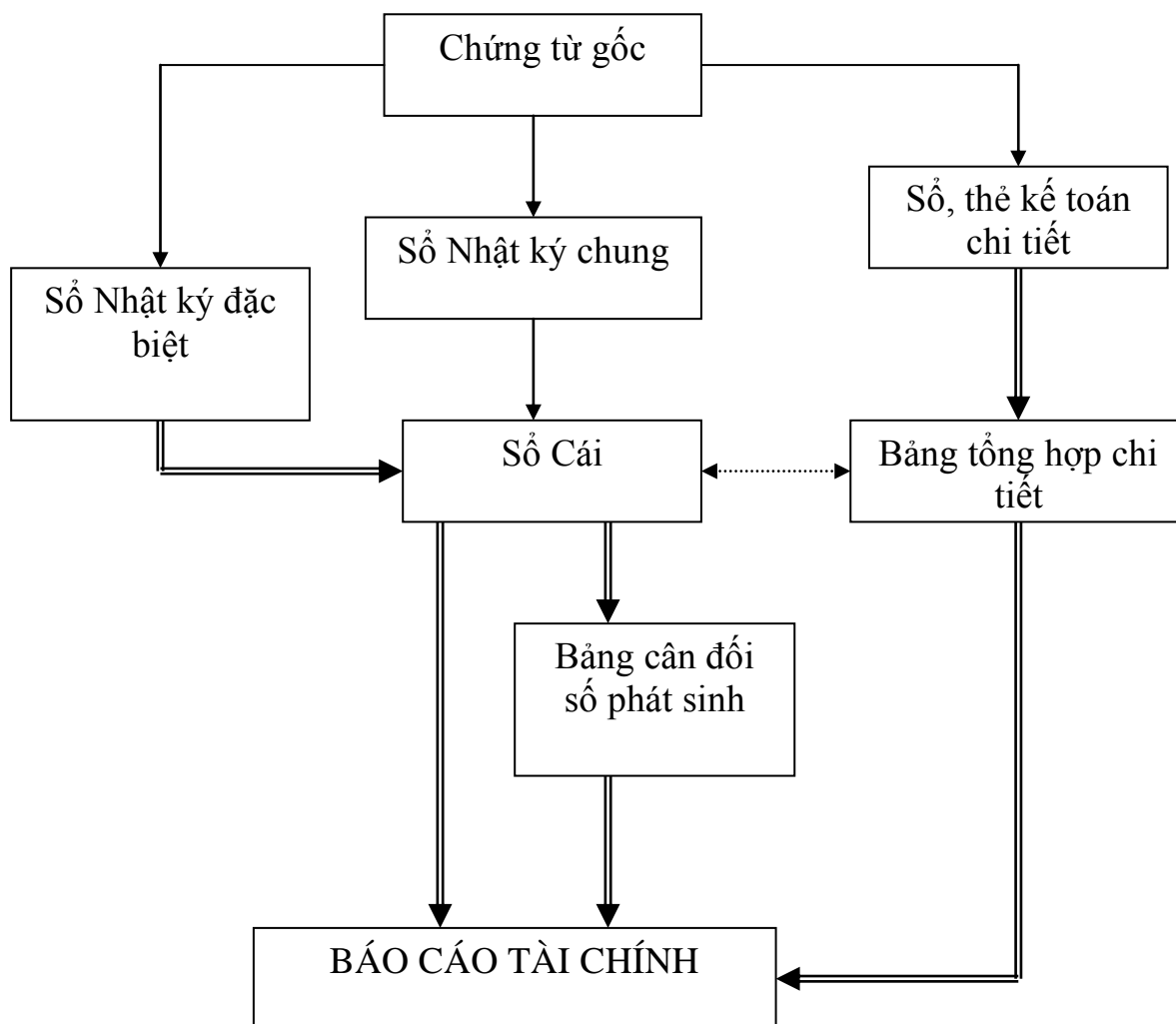
1.3.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

- Nguyên tắc, đặc điểm: Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung đó là tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó, lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để vào sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- + Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt;
 - + Sổ Cái;
 - + Các sổ thẻ kế toán chi tiết.
- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức kế toán Nhật ký chung.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-.-.-> Kiểm tra, đối chiếu

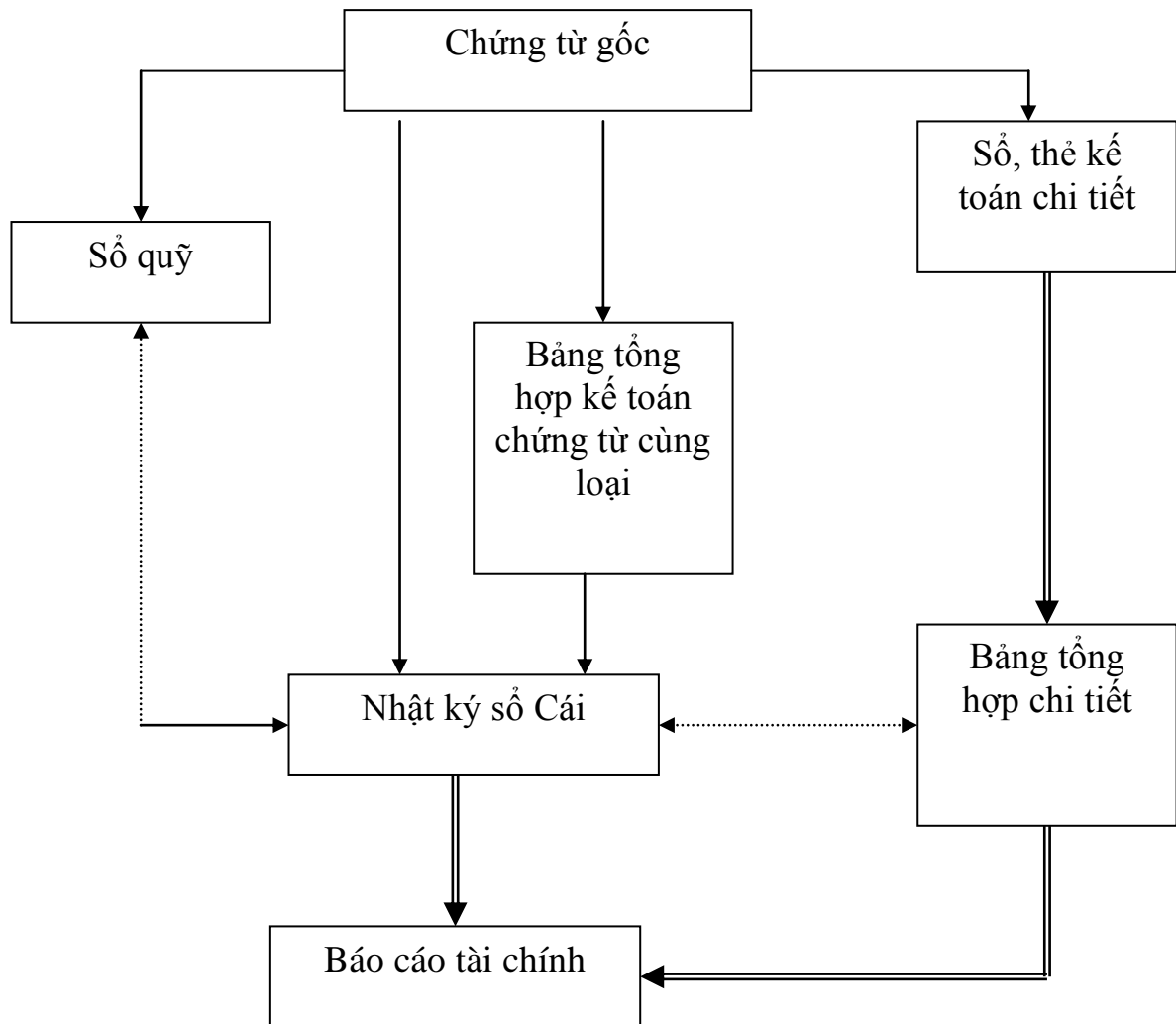
1.3.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.

- Đặc điểm: Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái đó là các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm các loại sổ sau:

- + Nhật ký - Sổ Cái;
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-----> Kiểm tra, đối chiếu

1.3.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

- Đặc điểm: Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ đó là căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp đó là "Chứng từ ghi sổ". Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ Cái.

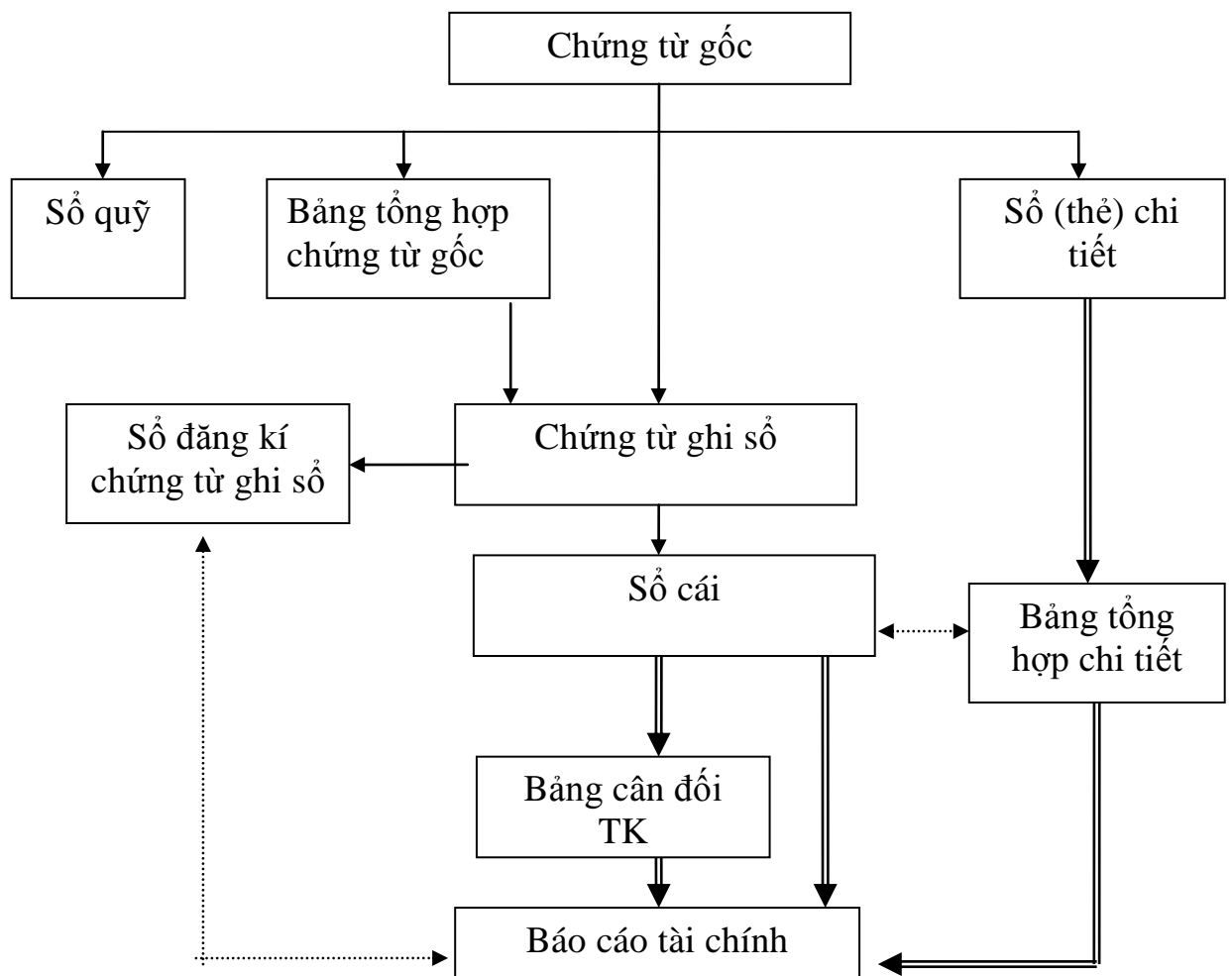
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau:

- + Chứng từ ghi sổ;
 - + Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ;
 - + Sổ Cái;
 - + Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.
- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-----> Kiểm tra, đối chiếu

1.3.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.

- Đặc điểm:

+ Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

+ Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

+ Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

+ Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

+ Nhật ký chứng từ;

+ Bảng kê;

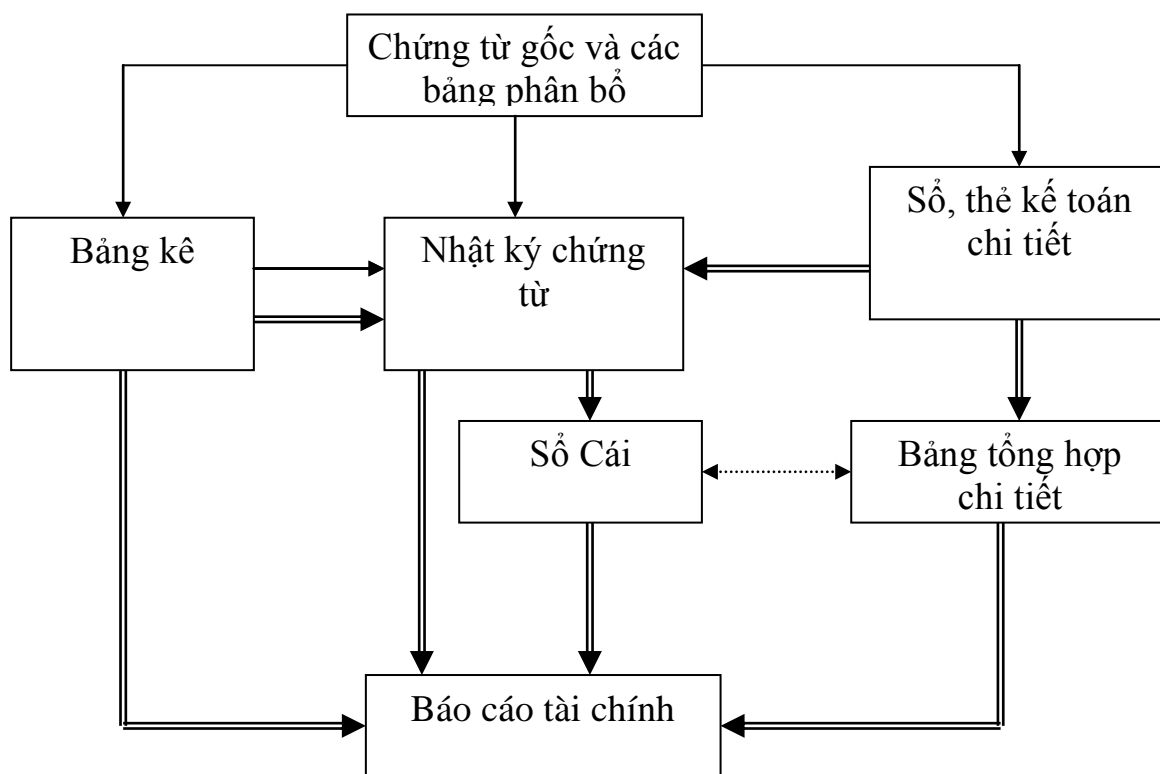
+ Sổ Cái;

+ Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức kế toán

Nhật ký - Chứng từ.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-----> Kiểm tra, đối chiếu

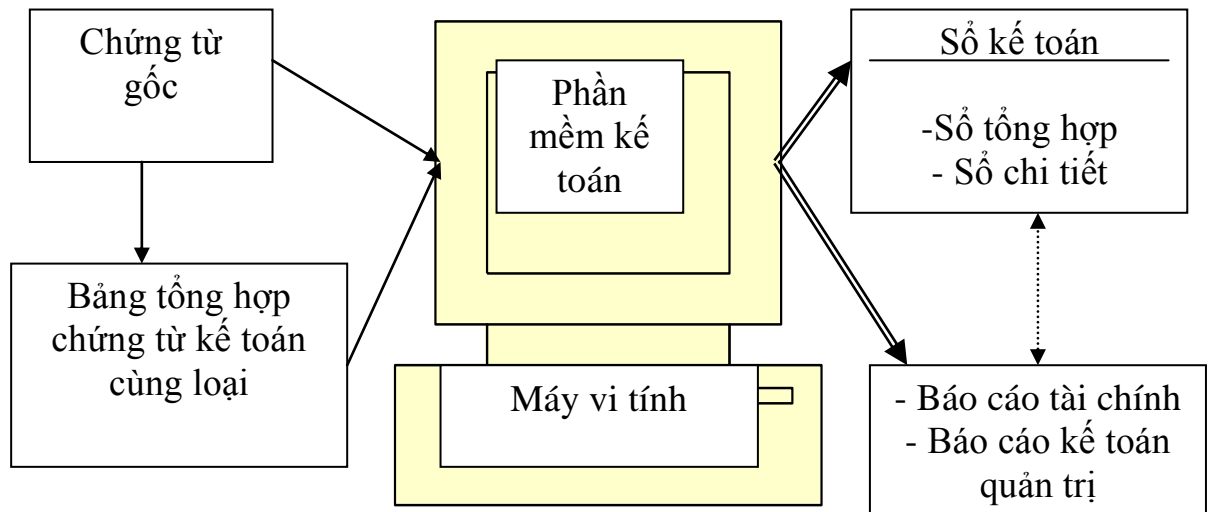
1.3.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.

- Đặc điểm: Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức kế toán trên máy vi tính.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-.-.-.-> Kiểm tra, đối chiếu

1.3.5. Hệ thống báo cáo kế toán nguyên vật liệu.

Trong quá trình điều hành hay tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh để có được những quyết định kinh tế chính xác, kịp thời đòi hỏi phải có những thông tin mang tính tổng quát, khái quát, có hệ thống và tương đối toàn diện về tình hình và hoạt động kết quả kinh doanh của doanh nghiệp sau mỗi kỳ nhất định. Những thông tin này phải là những thông tin kinh tế chính xác do kế toán thu thập, tổng hợp và cung cấp. Vì vậy, sau mỗi kỳ kế toán các doanh nghiệp nhất thiết phải lập và lưu hành các báo cáo kế toán.

Hệ thống báo cáo kế toán bao gồm:

- + Báo cáo tài chính.
- + Báo cáo quản trị.

1.3.5.1. Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính là những báo cáo phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp bằng cách tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế, tài chính có cùng tính chất kinh tế thành các yếu tố của báo cáo tài chính. Các yếu tố liên quan trực tiếp đến đánh giá tình hình và kết quả kinh doanh trong báo cáo kết quả kinh doanh là doanh thu, thu nhập khác, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh. Báo cáo tài chính cũng phản ánh tình hình tạo tiền và lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp. Nói cách khác, báo cáo tài chính là phương tiện trình bày khả năng sinh lời và thực trạng tài chính của doanh nghiệp cho các đối tượng quan tâm.

Đối với nguyên vật liệu, báo cáo tài chính phải trình bày các chỉ tiêu liên quan đến nguyên vật liệu bao gồm: Các quy định kế toán áp dụng trong việc đánh giá nguyên vật liệu bao gồm cả phương pháp tính giá trị nguyên vật liệu, tổng số giá gốc của nguyên vật liệu và giá gốc của từng loại nguyên vật liệu được phân loại phù hợp với đơn vị, tổng số giá trị thuần có thể thực hiện được của nguyên vật liệu đã dùng thế chấp, cầm cố như sự đảm bảo cho các khoản nợ.

1.3.5.2. Báo cáo quản trị.

Báo cáo quản trị là những báo cáo chi tiết phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của quản lý trong doanh nghiệp. Các doanh nghiệp có

thể sử dụng các báo cáo quản trị khác nhau tuy nhiên chúng đều tập trung vào việc phản ánh và cung cấp các thông tin cho mục tiêu quản lý doanh nghiệp.

Đối với nguyên vật liệu, báo cáo kế toán quản trị phản ánh chi tiết tình hình biến động nguyên vật liệu của doanh nghiệp theo từng loại, từng thứ để phục vụ yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Báo cáo nguyên vật liệu thường được lập cho từng kho, từng đơn vị, từng bộ phận của doanh nghiệp và toàn doanh nghiệp.

Báo cáo kế toán cung cấp thông tin toàn diện, có hệ thống về tình hình sản xuất kinh doanh, kết quả kinh doanh cũng như tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp. Các báo cáo kế toán là cơ sở để cung cấp số liệu để tiến hành phân tích hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh, khai thác các tiềm năng của doanh nghiệp. Từ đó có được các phương án kinh doanh có hiệu quả. Vì vậy báo cáo kế toán phải trung thực, chính xác, đảm bảo tính khách quan và tình hình thực tế của doanh nghiệp.

CHƯƠNG II

TỔ CHỨC CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC.

2.1. Tổng quan về công ty TNHH Thương mại VIC.

Thông tin chung:

- Tên giao dịch: Công ty TNHH thương mại VIC.
- Trụ sở chính: Khu công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng.
- Mã số thuế: 0200358184
- Số tài khoản: 3408659 tại Ngân hàng TMCP Á Châu -Chi nhánh tại Hải Phòng.
- Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ.

2.1.1. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của công ty.

Ngày 27 tháng 04 năm 1999 Công ty TNHH Thương mại VIC (nhà máy thực phẩm gia súc cao cấp Con Heo Vàng) Chính thức thành lập theo giấy phép số 095 GP/TLDN do UBND.TP Hải Phòng cấp và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 070618 do sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp - đăng ký sửa đổi lần thứ nhất ngày 09 tháng 08 năm 2002. Ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất thức ăn gia súc.

Những ngày đầu thành lập, Công ty TNHH Thương mại VIC gặp rất nhiều khó khăn : nhà xưởng phải đi thuê, công nhân chỉ đếm trên đầu ngón tay và số vốn kinh doanh chỉ vài chục triệu đồng. Một thương hiệu Việt Nam rất sớm được hình thành và chấp nhận với sự cạnh tranh không cân sức trên thị trường đầy khốc liệt - trong một bối cảnh mà các công ty nước ngoài chiếm tới 90% thị phần và tập quán của người chăn nuôi chỉ quen với những thương hiệu như : Con Cò, Hidro...

Bộ máy tổ chức của công ty còn rất đơn giản và chỉ có 03 phòng ban là phòng tiêu thụ, phòng kế toán, phòng hành chính và 01 xưởng sản xuất nhỏ dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc công ty.

Song với chiến lược sản xuất kinh doanh nhạy bén và đúng đắn, sự nỗ lực của Ban Lãnh đạo Công ty cùng với cán bộ công nhân viên, Công ty đã có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng. Thực hiện chủ trương phát triển kinh tế của Thành uỷ, UBND Thành phố Hải Phòng, Công ty TNHH thương mại VIC đã thuê 10.000 m² để xây dựng nhà máy. Ngày 26 tháng 10 năm 2002, đánh dấu một sự kiện đặc biệt quan trọng đó là : Công ty khánh thành và chính thức đưa Nhà máy thức ăn gia súc cao cấp Con Heo Vàng có công suất 150.000 tấn /năm đi vào hoạt động, và cũng kể từ đây thương hiệu Con Heo vàng bắt đầu ghi dấu ấn vững mạnh trên thị trường thức ăn gia súc dưới sự đầu tư xây dựng thương hiệu ổn định của Giám đốc Công ty.

Cùng với sự ra đời của nhà máy thực phẩm gia súc cao cấp Con Heo Vàng, Công ty có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng, năm sau so với năm trước tăng từ 150 - 200%; từ sản lượng mỗi tháng vài chục tấn/tháng đến nay đã gần 8.000 tấn/tháng. Thu nhập bình quân của người lao động là 2.600.000 đồng/tháng.

Tiếp theo nhà máy tại Hải Phòng, công ty đang tiếp tục xây dựng các nhà máy tại Nghệ An, Quy Nhơn, Đồng Tháp, Hai chi nhánh tại Hà Nội, Nam Định và tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng như: Sản phẩm cho gia súc, gia cầm. Ngoài ra, công ty còn sản xuất những sản phẩm cho cá và tiến tới mở rộng ngành nghề kinh doanh các sản phẩm thịt sạch phục vụ người tiêu dùng.

Lúc đầu thành lập, công ty chỉ có một thương hiệu Con Heo Vàng thì nay công ty có thêm nhiều thương hiệu như : Ông Tiên, Cá Vàng, Vàng Mười. Thương hiệu Con Heo Vàng đã đăng ký tại Lào, Campuchia, Trung Quốc và đã tiến hành xác lập nhà phân phối sản phẩm tại Lào. Mạng lưới phân phối của công ty cũng được mở rộng, từ chỗ chỉ có vài chục đại lý bán lẻ thì hiện nay đã có gần 4000 đại lý bán lẻ và 40 nhà phân phối trên toàn quốc. Thương hiệu Con Heo Vàng đã được người chăn nuôi tin dùng và đánh giá cao

Song song với việc đầu tư máy móc thiết bị và công nghệ sản xuất để có chất lượng sản phẩm đáp ứng với nhu cầu của người chăn nuôi, Công ty đẩy

manh các biện pháp xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu, xây dựng và hình thành hệ thống phân phối sản phẩm đến người chăn nuôi với khẩu hiệu:

"Chúng tôi là người Việt Nam

Mong muốn người chăn nuôi Việt Nam có lãi".

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty.

Thứ nhất: Chức năng của Công ty.

- Công ty TNHH Thương mại VIC là doanh nghiệp sản xuất và chế biến thực phẩm chăn nuôi của người nông dân
- Công ty mở đại lý mua bán hàng tư liệu sản xuất, hàng tư liệu tiêu dùng, vật tư nông nghiệp, nông sản thực phẩm, lương thực.
- Chăn nuôi và sản xuất thức ăn chăn nuôi.
- Đảm nhận dịch vụ vận tải và tiếp nhận hàng hoá.
- Nuôi trồng thuỷ sản.
- Chế biến nông sản, thực phẩm công nghệ, đồ uống, lương thực, gia vị.
- Kinh doanh thuốc thú y.
- Kinh doanh vận tải hành khách, hàng hoá đường bộ.

Thứ 2: Nhiệm vụ của Công ty.

Công ty TNHH Thương mại VIC cam kết cung cấp các sản phẩm thức ăn gia súc có chất lượng cao, đảm bảo hiệu quả kinh tế lớn nhất cho người chăn nuôi với phương châm "Thực phẩm gia súc Con Heo Vàng - chất lượng vàng cho người chăn nuôi", thương hiệu chính của công ty là Con Heo Vàng và Ông Tiên.

Để thực hiện được mục tiêu trên, Giám đốc công ty cam kết:

- Thực hiện và liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001 - 2000.
- Không ngừng đầu tư để cải tiến, nâng cấp dây chuyền thiết bị, công nghệ hiện đại, sử dụng những nguyên liệu tiên tiến và tốt nhất.
- Thực hiện việc đào tạo nâng cao trình độ về mọi mặt cho toàn thể cán bộ công nhân viên của công ty và tạo môi trường thuận lợi để mọi người cùng phát huy khả năng trí tuệ của mình vào mục tiêu phát triển chung của công ty.

- Luôn luôn lắng nghe ý kiến phản hồi, đóng góp của khách hàng để cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ . Xây dựng và quy hoạch phát triển công ty phù hợp về chiến lược, quy hoạch phát triển của Thành phố - Công ty chịu trách nhiệm đóng các loại thuế và nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo quy định của pháp luật và quy chế tài chính của Nhà nước và Thành phố.

- Chịu sự kiểm soát và tuân thủ các quy định về thanh tra, kiểm tra của sở Công nghiệp Thành phố và các cơ quan có thẩm quyền Nhà nước quy định.

2.1.3. Đặc điểm sản phẩm, công nghệ và kết cấu sản xuất.

2.1.3.1. Đặc điểm sản phẩm.

Công ty TNHH Thương mại VIC với 4 thương hiệu lớn là: Con Heo Vàng, Ông Tiên, VISICO, Vàng Mười.

Bao gồm các sản phẩm : Các sản phẩm đậm đặc và hỗn hợp cho lợn con, hỗn hợp ngũ cốc và các sản phẩm dành cho gia cầm, thủy cầm.

2.1.3.2. Công nghệ sản xuất.

Thiết bị công nghệ chủ yếu là yếu tố trực tiếp nâng cao chất lượng sản phẩm là yếu tố quan trọng góp phần tăng khả năng tiêu thụ sản phẩm.

Trong những năm gần đây, chất lượng và quy mô sản phẩm của công ty được nâng lên rất nhiều vì đã có sự đầu tư đổi mới một số thiết bị, dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi hiện đại. Hiện nay công ty có 02 dây chuyền sản xuất chính.

Bảng 2.1: Tình hình trang thiết bị của công ty

<i>STT</i>	<i>Tên thiết bị sản xuất</i>	<i>Công suất thiết kế</i>	<i>Tình trạng trang thiết bị</i>
1	Dây chuyền sản xuất 01 gồm 05 máy nhập từ Trung Quốc - Máy I, II, III, IV (Sản xuất sản phẩm đậm đặc). - Máy VI (Sản xuất cả sản phẩm đậm đặc và hỗn hợp).	20 tấn/ca 35 tấn/ca	Tự động các công đoạn sản xuất, bao gói thủ công.
2	Dây chuyền sản xuất 02 gồm 02 máy nhập từ Thái Lan: - Máy I (Sản xuất sản phẩm đậm đặc) - Máy II (Sản xuất cả sản phẩm đậm đặc và hỗn hợp)	30 tấn/ca 45 tấn/ca	Tự động trang thiết bị sản xuất, bao gói thủ công.

Tuy nhiên tình hình chung về trang thiết bị vẫn chưa đồng bộ. Bên cạnh những máy sản xuất hiện đại vẫn còn những máy cũ kỹ như máy I, III sản xuất đậm đặc trong dây chuyền 01 là ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng sản phẩm, chưa đáp ứng được yêu cầu tiêu dùng của thị trường làm giảm uy tín đối với khách hàng và thị phần sản phẩm của công ty.

2.1.3.3. Kết cấu sản xuất.

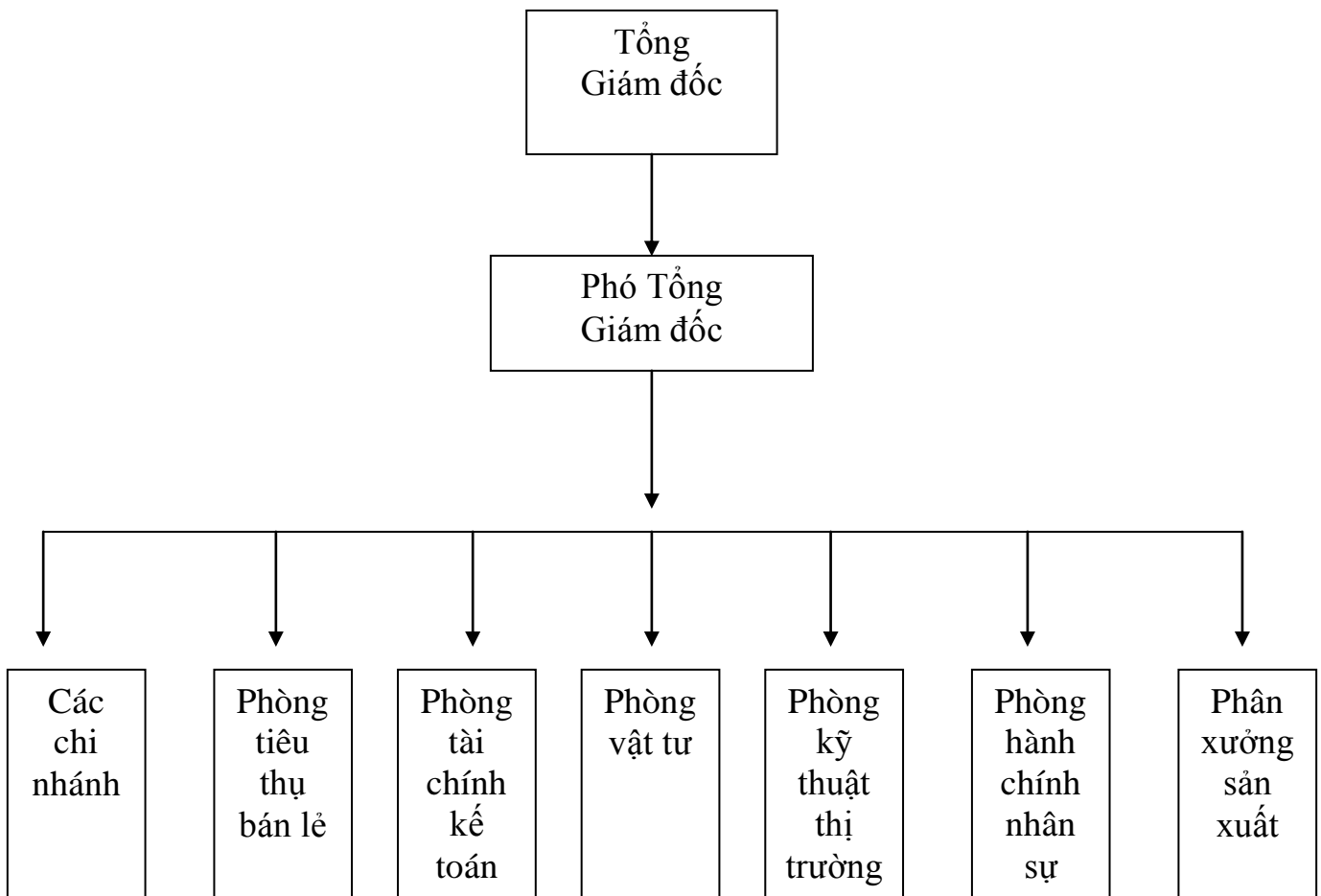
Do đặc thù của ngành sản xuất thức ăn gia súc, hình thức sản xuất của Công ty TNHH Thương mại VIC là sản xuất đồng bộ nhiều chủng loại sản phẩm thức ăn gia súc. Đặc điểm của phương án sản xuất này đó là:

- Số lượng sản phẩm chủng loại đa dạng
- Sản phẩm được sản xuất lặp lại
- Tổ chức sản xuất theo dây chuyền

Mức độ tập trung sản xuất không cao công ty TNHH Thương mại VIC tổ chức sản xuất theo kế hoạch nhằm đáp ứng yêu cầu và thoả mãn yêu cầu của khách hàng.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý.

Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức quản lý của công ty TNHH Thương mại VIC



Với đặc thù là Công ty TNHH, Tổng giám đốc có quyền quyết định mọi hoạt động sản xuất kinh doanh cùng với sự giúp việc của Phó Tổng giám đốc, các Giám đốc chi nhánh, các trưởng phó phòng và quản đốc phân xưởng. Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc nhà máy sẽ chịu trách nhiệm về sản xuất.

- Tổng Giám đốc công ty: Là người đại diện cho công ty trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của công ty. Là người nắm quyền hành cao nhất trong công ty, có quyền ra quyết định về các hoạt động kinh doanh của công ty.

- Phó Tổng Giám đốc: Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về những công việc được giao nhiệm vụ, giúp Tổng Giám đốc điều hành những hoạt động hàng ngày của công ty.

- Phòng hành chính nhân sự: Phòng có trách nhiệm tuyển dụng và đào tạo lao động, Thực hiện lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên. Thực hiện các công tác hành chính văn phòng như: Tiếp khách, photo, lưu trữ, đảm bảo văn hoá công ty (trang phục, nề nếp làm việc) và các công tác hành chính khác.

- Phòng tài chính kế toán: Có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp và xử lý các số liệu, thông tin về công tác tài chính kế toán, tham mưu cho Tổng Giám đốc về hiệu quả của đồng vốn kinh doanh cũng như việc lựa chọn và quyết định các phương án kinh doanh...

- Phòng kỹ thuật vật tư: Đảm nhận công tác xuất, nhập khẩu của công ty, giao nhận vật tư, công tác giám sát, kiểm tra chất lượng sản phẩm, giải quyết và thực hiện các quy trình phản hồi của công ty khi có khiếu nại của người chăn nuôi, thực hiện các quy trình khảo nghiệm.

- Phòng tiêu thụ bán lẻ: Phòng có chức năng tổ chức và giám sát việc tiêu thụ sản phẩm bao gồm: hệ thống bán lẻ tới các hộ gia đình, giám sát và đôn đốc việc tiêu thụ của các đại lý cấp I.

- Phòng kỹ thuật thị trường: Tiến hành nghiên cứu đánh giá, mở rộng thị trường, xây dựng các kế hoạch thị trường, thị phần, mở rộng công tác tiêu thụ.

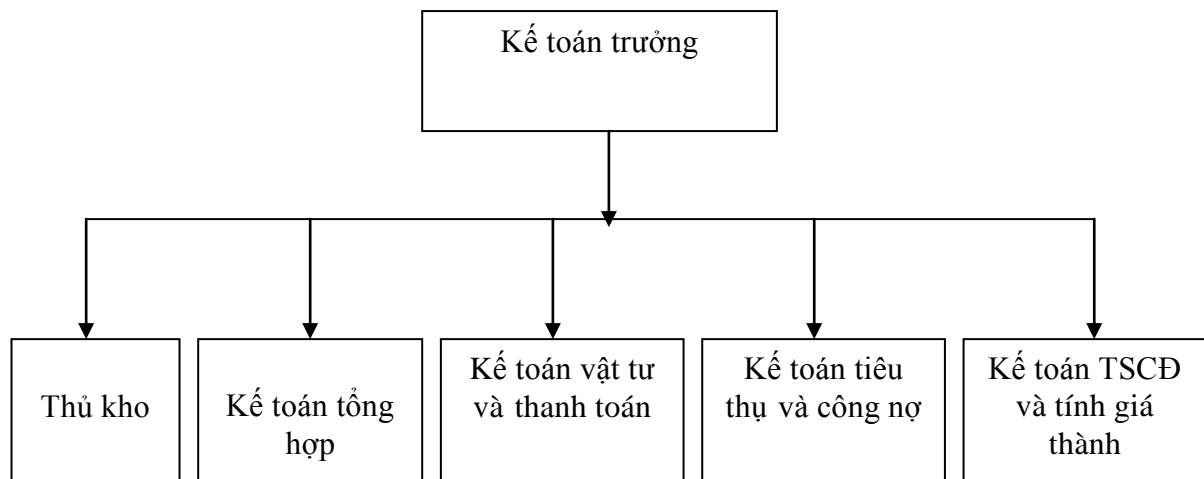
- Phân xưởng sản xuất: Nơi trực tiếp tổ chức sản xuất ra các sản phẩm theo kế hoạch đã đề ra. Người chịu trách nhiệm quản lý và điều hành tại phân xưởng sản xuất là Quản đốc phân xưởng, dưới đó là các phó quản đốc, tổ KCS, tổ trưởng các máy và công nhân.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty TNHH Thương mại VIC.

2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán.

Công tác kế toán do một bộ phận đảm nhận gọi là phòng kế toán, các nhân viên trong phòng có trách nhiệm thực hiện công tác nghiệp vụ hạch toán kế toán tài chính, lập báo cáo kế toán phân tích thông tin đề xuất phương án.

Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức kế toán tại công ty TNHH Thương mại VIC:



Nhiệm vụ:

- Đứng đầu bộ máy kế toán là kế toán trưởng, kế toán trưởng kiêm kế toán tiền lương có chức năng giám sát mọi hoạt động chung của phòng kế toán. Theo dõi chung tình hình thanh toán lương, phụ cấp, trợ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ với các cán bộ công nhân trong toàn công ty. Cuối kỳ tập hợp các khoản mục chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tổng hợp số liệu báo cáo tài chính, tư vấn lên giám đốc cho mọi hoạt động tương lai của công ty.

- Kế toán tổng hợp: Tổng hợp số liệu, giám sát đơn đốc kế toán phần hành.

- Kế toán nguyên vật liệu kiêm kế toán thanh toán với người bán: Theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho đối với nguyên vật liệu, đồng thời còn theo dõi tình hình thanh toán đối với nhà cung cấp. Các tài khoản sử dụng 152 (mở chi tiết tới từng nguyên vật liệu), tài khoản 331...

- Kế toán tiêu thụ và phải thu khách hàng: Theo dõi tình hình tiêu thụ sản phẩm tại các đại lý cũng như tình hình thanh toán công nợ của người mua.

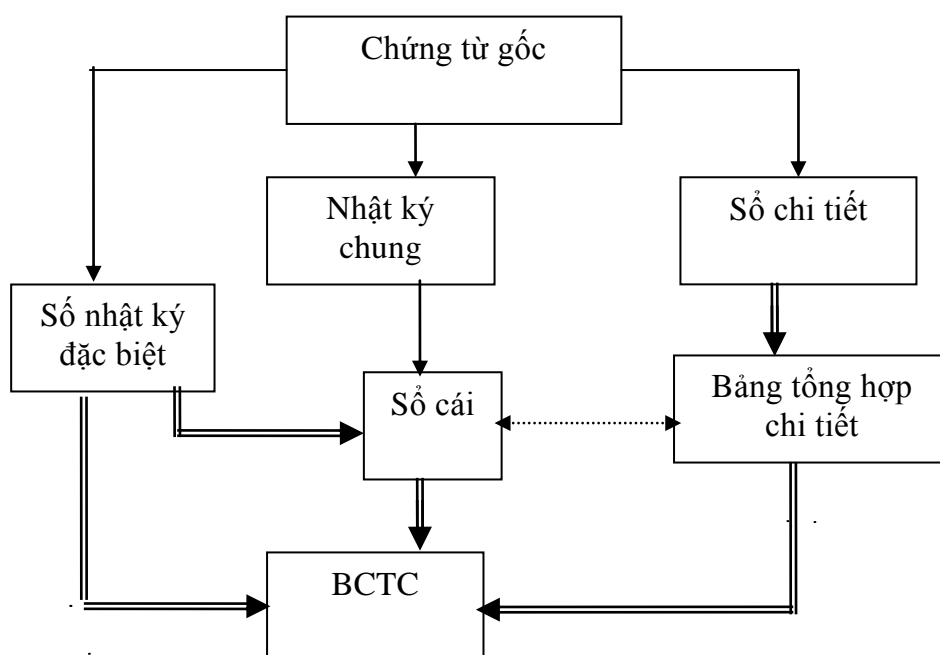
- Kế toán tài sản cố định kiêm kế toán tổng hợp chi phí và tính giá thành: Có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm của TSCĐ, đồng thời tổ chức tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm. Các tài khoản sử dụng: TK 221, TK 213, TK 621, TK 622, TK 627...

- Thủ quỹ: Có nhiệm vụ chi tiền mặt trên cơ sở chứng từ thu chi, giấy đề nghị thanh toán, tạm ứng và lập báo cáo quỹ tiền mặt theo quy định.

2.1.5.2. Hình thức kế toán.

Ngay từ những năm đầu thành lập công ty TNHH Thương mại VIC đã áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó.

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ↔ Kiểm tra, đối chiếu

2.1.6. Thực trạng tài chính của công ty TNHH Thương mại VIC trong ba năm qua.

Thực trạng tài chính của công ty qua 3 năm qua thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.2: Thực trạng tài chính của công ty trong 3 năm gần đây

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009		Năm 2010	
			%Δ		%Δ
1. Doanh thu thuần	423,452,252,292	477,417,648,353	13	513,073,871,193	7
2. Giá vốn hàng bán	387,680,496,009	442,644,280,578	14	473,071,907,235	7
3. Lợi nhuận từ hoạt động TC	146,331,108	113,431,673	-22	90,976,160	-20
4. Chi phí BH+QL+TC	17,895,422,260	27,798,907,690	55	31,211,175,081	12
5. Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD	18,022,665,129	7,087,891,757	-61	8,881,189,301	25
6. Lợi nhuận khác	3,087,886,681	532,901,025	83	5,533,805,980	94
7. Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	21,110,551,810	7,620,792,782	-64	14,414,995,281	89
8. Lợi nhuận sau thuế TNDN	15,199,597,300	8,715,594,587	-43	10,811,246,461	24

Cuối năm 2008 và 2009 kinh tế bước vào giai đoạn khủng hoảng trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Rất nhiều tập đoàn và các Công ty lớn, nhỏ trên thế giới và trong nước đã phá sản. Không phải là một ngoại lệ, Công ty TNHH Thương mại VIC cũng bị ảnh hưởng, chịu sự tác động của khủng hoảng, chính vì vậy doanh thu có sự suy giảm trong năm 2009 so với năm 2008. Nhưng đến năm 2010, Công ty đã lấy đà được, Lợi nhuận sau thuế đã tăng so với năm 2009. Tuy vẫn không bằng năm 2008 nhưng đó là sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, công nhân viên trong Công ty và ngày càng tạo niềm tin cho khách hàng, bên cạnh đó Công ty vẫn hoàn thành tốt mọi nghĩa vụ với Nhà nước chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường, đa dạng hoá các lĩnh vực sản xuất

kinh doanh, mở rộng quy mô. Mặt khác trong nền kinh tế thị trường, hội nhập với thế giới hiện nay Công ty đang phải nỗ lực phấn đấu hơn nữa về mọi mặt.

2.1.7. Những thuận lợi, khó khăn và kiến nghị cho những năm tới của công ty TNHH Thương mại VIC trong quá trình hoạt động kinh doanh.

2.1.7.1. Những thuận lợi.

- Trong những năm gần đây, nền chăn nuôi toàn miền Bắc, miền Nam đang trong thời kỳ hội nhập với khoa học chăn nuôi tiên tiến. Thị hiếu chăn nuôi của toàn dân là sử dụng cám công nghiệp.

- Các nhà máy sản xuất thức ăn gia súc còn nhỏ lẻ, mức độ cạnh tranh còn thấp, có ít các tập đoàn lớn về thức ăn gia súc của nước ngoài đầu tư vào thị trường Việt Nam. Bên cạnh đó nguyên vật liệu đầu vào thấp và giữ ở mức ổn định. Đồng ngoại tệ luôn giữ giá thuận lợi cho việc nhập nguyên vật liệu đầu vào.

- Bên cạnh đó, trình độ chăn nuôi ngày càng nâng cao, có nhiều trang trại được xây dựng với quy mô lớn, người nông dân được tiếp cận với những phương thức chăn nuôi mới, chịu đầu tư cho chăn nuôi

- Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân có trình độ cao, có trách nhiệm với công việc, và có tinh thần đoàn kết trong lao động. Chính nhờ những điều đó công ty TNHH Thương mại VIC ngày càng lớn mạnh và phát triển.

2.1.7.2. Những khó khăn.

- Ngày nay, đất đai sử dụng cho việc chăn nuôi ngày càng bị thu hẹp, cơ sở hạ tầng cho chăn nuôi không phát triển

- Thời tiết khí hậu ngày càng thay đổi, ảnh hưởng lớn tới việc chăn nuôi của người nông dân.

- Những dịch bệnh lạ xuất hiện thường xuyên, ảnh hưởng tới tâm lý của bà con chăn nuôi.

- Nguồn vốn của hộ chăn nuôi eo hẹp, chế độ ưu đãi của Nhà nước còn thấp....

2.1.7.3. Những kiến nghị của công ty trong những năm sau.

- Chọn các nhà cung cấp có chất lượng ổn định, để đảm bảo sản phẩm có chất lượng cao.
- Xây dựng được các nhà thu mua sản phẩm của hộ chăn nuôi uy tín, chuyên nghiệp.
- Quảng cáo tuyên truyền các sản phẩm sạch trên mọi thông tin đại chúng.
- Có mức bảo hiểm tới các hộ chăn nuôi những sản phẩm của công ty TNHH Thương mại VIC.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thương mại VIC.

2.2.1. Đặc điểm, phân loại nguyên vật liệu tại công ty.

2.2.1.1. Đặc điểm chung về nguyên vật liệu tại công ty.

Công ty TNHH Thương mại VIC sản xuất các sản phẩm thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy cầm như: Các sản phẩm đậm đặc hỗn hợp cho lợn con, hỗn hợp ngũ cốc và nhiều sản phẩm khác... Công ty phải sử dụng một khối lượng lớn về vật liệu. Các loại nguyên vật liệu này đa dạng về chủng loại, quy cách. Sự biến động của nguyên vật liệu diễn ra thường xuyên, do đó đòi hỏi sự chú trọng trong việc lựa chọn phương pháp quản lý và hạch toán nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu của công ty được nhập kho hoàn toàn là do mua ngoài không có nguyên vật liệu tự chế hay liên doanh.

Để đảm bảo tiến độ sản xuất, nguyên vật liệu cần phải được cung cấp một cách kịp thời đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng, thoả mãn cho nhu cầu sản xuất. Kế toán nguyên vật liệu phải cung cấp được thông tin một cách kịp thời, có hệ thống để phục vụ cho quản trị doanh nghiệp, cho việc lập kế hoạch thu mua vật liệu cũng như công tác tính giá thành sản phẩm.

Gắn với những đặc điểm riêng của mình, công ty đã lựa chọn kế toán tổng hợp nguyên liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên, kế toán chi tiết nguyên vật liệu áp dụng phương pháp ghi thẻ song song và đánh giá nguyên vật liệu theo trị giá vốn thực tế.

2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thương mại VIC.

Tuỳ từng doanh nghiệp sử dụng nhiều loại nguyên vật liệu khác nhau, nhưng do đặc tính sử dụng và công dụng gần như nhau trong quá trình chế biến nên nguyên vật liệu của công ty TNHH Thương mại VIC được chia thành 2 loại, đó là:

- Nguyên vật liệu chính: Là đối tượng lao động cấu thành nên thực thể sản phẩm bao gồm: Khô cải, vỏ sò, vỏ huyết, tấm gạo, cám gạo, đậu tương, ngô nỏ, ngô rang, bột cá, bột sắn, dầu cá, các loại thuốc như Choline, Methionine...

- Nguyên vật liệu phụ: Là những vật liệu khi sử dụng chỉ có tác dụng phụ làm tăng chất lượng, hoàn chỉnh sản phẩm trong quá trình sản xuất như: Vỏ bao bì dùng để đóng gói...

Để thuận tiện cho quá trình quản lý cũng như cung cấp thông tin về từng loại nguyên vật liệu cụ thể. Công ty đã phân loại chi tiết tới từng nguyên vật liệu và lập danh điểm nguyên vật liệu quy định cho mỗi loại nguyên vật liệu một mã riêng bằng hệ thống các chữ cái để thay thế tên gọi quy cách, kích cỡ của chúng. Với cách mã hoá này, khi có các nghiệp vụ nhập khẩu nguyên vật liệu thì có thể dễ dàng khai báo thêm. Việc mã hoá tên các vật liệu của công ty hiện nay được xây dựng trên cơ sở nguồn gốc nhập và công dụng của các loại vật liệu.

2.2.2. Nhiệm vụ kế toán yếu tố nguyên vật liệu, đánh giá nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thương mại VIC.**2.2.2.1. Nhiệm vụ kế toán yếu tố nguyên vật liệu.**

- Theo dõi tình hình nhập - xuất - tồn kho đối với nguyên vật liệu, đồng thời còn theo dõi tình hình thanh toán với nhà cung cấp.

- Tham gia vào công tác kiểm kê và lập báo cáo nhằm giúp các nhà quản lý nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản nguyên vật liệu, các định mức dự trữ và định mức tiêu hao...áp dụng những biện pháp cụ thể nhằm theo dõi kịp thời quá trình biến động của nguyên vật liệu.

2.2.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu tại công ty.

Khi đánh giá nguyên vật liệu, Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc giá gốc.
- Nguyên tắc thận trọng.
- Nguyên tắc nhất quán.
- Sự hình thành trị giá vốn thực tế của vật tư.

2.2.3. Phương pháp xác định giá các yếu tố nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thương mại VIC.

2.2.3.1. Xác định giá thực tế của vật liệu nhập kho.

Nguồn nhập nguyên liệu của công ty nhập kho là hoàn toàn do mua ngoài (mua trong nước hoặc nhập khẩu) không có nguyên vật liệu tự chế hay liên doanh. Vì là đơn vị sản xuất kinh doanh chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên trị giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho là giá chưa có thuế GTGT.

Phần lớn, nguyên vật liệu mua ngoài theo hợp đồng kinh tế và được giao nhận tại kho, nên chi phí vận chuyển, bốc xếp do bên bán chịu. Trong trường hợp này, trị giá vốn thực tế nhập kho là giá mua ghi trên hoá đơn chưa có thuế GTGT.

$$\begin{array}{rcc} \text{Trị giá vốn thực} & & \text{Số lượng} & & \text{Đơn giá mua} \\ \text{tế nguyên vật liệu} & = & \text{nguyên vật liệu} & \times & \text{ghi trên hoá đơn} \\ \text{nhập kho} & & \text{nhập kho} & & \text{(chưa có thuế GTGT)} \end{array}$$

Ví dụ 2.1: Căn cứ vào HĐGTGT số 066716 của công ty Vật tư Nông nghiệp

I - Hải Phòng, ngày 08/12/2010 bán 20.675 kg đậu tương hạt:

Giá chưa có thuế	: 196.412.500đ
Thuế GTGT (thuế suất 10%)	: 19.641.250đ
Tổng giá thanh toán	: 216.053.750đ

Theo thoả thuận thì toàn bộ chi phí vận chuyển, bốc dỡ sẽ do bên bán chịu.

Với tài liệu trên, công ty tính giá thực tế nhập kho của 20.675 kg đậu tương hạt là 196.412.500đ, tức bằng giá mua chưa có thuế GTGT.

Trong trường hợp công ty nhập khẩu nguyên vật liệu từ nước ngoài, thì trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu nhập kho gồm: Giá mua ghi trên hoá đơn chưa có thuế GTGT, cộng (+) chi phí thu mua, cộng (+) thuế nhập khẩu, trừ các khoản giảm trừ.

$$\begin{array}{r} \text{Giá trị} \\ \text{thực tế} \\ \text{NVL,} \\ \text{CCDC} \\ \text{mua vào} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Trị giá} \\ \text{mua ghi} \\ \text{trên hoá} \\ \text{đơn} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{thu mua} \\ \text{thực tế} \\ \text{phát sinh} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Thuế nhập} \\ \text{khẩu và} \\ \text{các loại} \\ \text{thuế không} \\ \text{được hoàn} \\ \text{lại} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các} \\ \text{khoản} \\ \text{giảm trừ} \end{array}$$

Ví dụ 2.2: Ngày 28/12/2010, công ty mua ngô hạt của công ty TNHH sản xuất và Thương mại Sao Mai. HĐGTGT số 066772 với số lượng 44.900kg và đơn giá 4.850đ/kg. Chi phí kiểm dịch, cân hàng, lưu bãi, phí nâng hàng...là 3.681.800đ, phí vận chuyển là 3.159.613, bảo hiểm hàng hoá: 372.580đ công ty chịu.

Với tài liệu trên, công ty tính giá thực tế nhập khẩu như sau:

$$\begin{aligned} \text{Giá thực tế nhập khẩu} &= 44.900 \times 4.850 + 3.681.800 + 3.159.613 + 372.500 \\ &= 224.978.913\text{đ} \end{aligned}$$

Trong trường hợp đặc biệt, phải nhập lại nguyên vật liệu trước đó (có thể do thay đổi đơn đặt hàng, hoặc do thừa) thì trị giá vốn của nguyên vật liệu nhập kho sẽ bằng trị giá vốn xuất kho trước đó.

2.2.3.2. Giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho.

Nguyên vật liệu mua về nhập kho rồi mới đưa vào sản xuất. Để xác định trị giá vốn xuất kho của nguyên vật liệu, công ty áp dụng phương pháp "Bình quân gia quyền cả kỳ".

$$\begin{array}{r} \text{ĐGBQ} \\ \text{Cả kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{r} \text{Trị giá NVL tồn kho đầu kỳ} \\ + \\ \text{Trị giá NVL nhập} \\ \text{kho trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{r} \text{Số lượng NVL tồn kho đầu kỳ} \\ + \\ \text{Tổng số lượng NVL} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}$$

Sau đó, căn cứ vào số lượng nguyên vật liệu xuất kho để tính trị giá nguyên vật liệu xuất kho.

$$\begin{array}{r} \text{Trị giá NVL} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \begin{array}{r} \text{ĐGBQ} \\ \text{cả kỳ} \end{array} \times \begin{array}{r} \text{Số lượng NVL} \\ \text{xuất kho} \end{array}$$

Ví dụ 2.3: Tháng 12/2010, công ty có tình hình nhập - xuất - tồn sản lát như sau:

Số lượng tồn kho đầu tháng 12/2010: 20.000kg Thành tiền: 36.000.000đ

Trong kỳ:

Nhập kho: 935.500kg Thành tiền: 1.852.290.750đ

Xuất kho: 855.900kg

Với tài liệu trên, công ty tính trị giá vốn thực tế xuất kho của nguyên vật liệu xuất kho của sản lát như sau:

$$\text{ĐGBQ cả kỳ} = \frac{36.000.000 + 1.852.290.750}{20.000 + 935.500} = 1.976 \text{ đ/kg}$$

Trị giá vốn thực tế của sản lát xuất kho trong tháng 12/2010 là:

$$1.976 \times 855.900 = 1.691.258.400\text{đ}$$

2.2.4. Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thương mại VIC.

2.2.4.1. Thủ tục và chứng từ nhập kho nguyên vật liệu tại công ty.

Toàn bộ quy trình nhập kho nguyên vật liệu tại công ty được bắt đầu từ việc lựa chọn nhà cung ứng, kí kết hợp đồng mua bán, vận chuyển hàng, giao hàng và nhập kho, luân chuyển chứng từ, ghi sổ kế toán. Các chứng từ như hợp đồng mua bán, hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho....được luân chuyển và xử lý một cách khoa học.

Tại công ty, nguyên vật liệu nhập kho là hoàn toàn do mua ngoài. Căn cứ vào các đơn đặt hàng, tình hình sản xuất kinh doanh, bộ phận sản xuất có nhiệm vụ lên kế hoạch sản xuất, tính toán nguyên vật liệu đầu vào cần thiết, quy cách chủng loại,...để trình giám đốc. Căn cứ vào kế hoạch đó, giám đốc xem xét, chỉ đạo phòng kinh doanh có nhiệm vụ tìm nhà cung ứng thích hợp thông qua việc kí kết hợp đồng mua bán.

Trong quá trình mua nguyên vật liệu, chứng từ quan trọng là hoá đơn GTGT. Hoá đơn GTGT cùng với hợp đồng sẽ được gửi lên phòng kế toán. Khi

nhận được các chứng từ này, kế toán kiểm tra đối chiếu giữa chúng, sau đó dùng làm căn cứ để ghi vào phiếu nhập kho, sổ nhật ký chung...

Khi nguyên vật liệu về tới công ty, phòng kỹ thuật vật tư sẽ kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ và đối chiếu với hợp đồng đã ký với các nhà cung cấp, sau đó tiến hành các thủ tục nhập kho. Thủ kho có trách nhiệm kiểm tra trực tiếp số lượng, chất lượng của các lô hàng khi tổ chức vận chuyển, bốc xếp vật liệu vào kho. Trong trường hợp nếu phát hiện vật tư kém phẩm chất, không đủ số lượng thì phải báo ngay với phòng kỹ thuật vật tư cùng với bộ phận KCS tiến hành kiểm tra lại lô hàng để có biện pháp xử lý kịp thời. Sau đó, sẽ được ghi vào phiếu yêu cầu nhập vật tư (Biểu số 2), Phòng kinh doanh tiến hành lập phiếu nhập kho (Biểu số 3) giao cho thủ kho. Sau khi nhập kho, thủ kho cùng với người giao hàng ký vào phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho gồm 2 liên:

Liên 1: Thủ kho gửi lại cho phòng kinh doanh (nơi lập phiếu).

Liên 2: Thủ kho dùng để ghi số thực nhập vào thẻ kho sau đó sẽ giao lại cho phòng kế toán.

Phiếu nhập kho sau khi được đưa về phòng kế toán, kế toán kiểm tra lại và căn cứ vào hoá đơn GTGT, các chứng từ liên quan khác để hoàn chỉnh nốt chỉ tiêu “Đơn giá” và “Thành tiền” trên phiếu nhập kho. Căn cứ vào phiếu nhập kho, hoá đơn GTGTkế toán ghi sổ nhật ký chung.

Mặt khác, phiếu nhập kho sau khi hoàn chỉnh được dùng làm căn cứ để ghi sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu số 7).

Đối với trường hợp nguyên vật liệu nhập khẩu từ nước ngoài, khi nhận hàng thủ kho phải căn cứ vào "Phiếu giao hàng kèm phiếu xuất kho" đối chiếu với "phiếu cân cảng" về số bao và về trọng lượng (cân cảng và cân công ty), để xem xét có hợp lệ và đúng theo hợp đồng đã ký. Nếu thấy hợp lý, thủ kho sẽ tiến hành ký xác nhận vào "Phiếu cân cảng". Phiếu nhập kho sẽ được lập sau khi có đủ chữ ký của các bộ phận có liên quan.

Ví dụ 2.4: Ngày 03/12/2010 công ty mua 500.000 kg sản lát của công ty Minh Hằng. Đơn giá chưa có thuế GTGT 10% là 2.000đ/kg. Công ty chưa thanh toán.

- Hoá đơn GTGT (Biểu số 01);
- Phiếu yêu cầu nhập vật tư (Biểu số 02);
- Phiếu nhập kho (Biểu số 03).

Ngày 03/12/2010 công ty nhận được hoá đơn GTGT của công ty Minh Hằng.

Biểu số 1:



Hoá đơn GTGT)
Liên 2: (Giao khách hàng)
Ngày 03 tháng 12 năm 2010

Ký hiệu: AA/2010T
Số : 066709

Tên người mua: Nguyễn Hồng Quân

Đơn vị: **Công ty TNHH Thương mại VIC**

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng - Điện thoại: 0313.742999

Số tài khoản: 3408659 Ngân hàng TMCP Á Châu, chi nhánh Hải Phòng

Mã số thuế:

0	2	0	0	3	5	8	1	8	4			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

Đơn vị bán hàng: **Công ty Minh Hằng**

Địa chỉ:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Hình thức thanh toán: Chậm thanh toán

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Chiết khấu
1	Sắn lát	Kg	500.000	2.000	1.000.000.000	
	Tổng cộng				1.000.000.000	

	Cộng tiền hàng :	1.000.000.000
	Tiền chiết khấu Thương mại	
	Tiền hàng trước thuế:	1.000.000.000
Thuế suất GTGT: 10 %	Tiền thuế GTGT:	100.000.000
	Tổng tiền thanh toán:	1.100.000.000

Số tiền bằng chữ: *Một tỷ, một trăm triệu đồng chẵn*

Người mua hàng
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Khi nguyên liệu về, phòng kỹ thuật tiến hành làm thủ tục kiểm tra chất lượng và ghi kết quả kiểm tra vào phiếu yêu cầu nhập vật tư.

Biểu số 2:

Công ty TNHH Thương mại VIC

KCN Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

PHIẾU YÊU CẦU NHẬP VẬT TƯ

Tên chủ hàng: Công ty Minh Hằng

Theo hợp đồng số:

Ngày 03 tháng 12 năm 2010

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Kết quả kiểm tra
1	Sấn lát	Kg	500.000	Đ

Ghi chú: Kết quả kiểm tra: Nếu đạt thì ghi chữ “Đ”, không đạt thì ghi chữ “K”

Kết luận: Đạt yêu cầu.

TP kinh doanh

(Ký, họ tên)

Nhân viên kiểm tra

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Nguyên vật liệu đạt tiêu chuẩn, phòng kinh doanh lập phiếu nhập kho nguyên vật liệu.

Biểu số 3:

Công ty TNHH Thương mại VIC
KCN Vĩnh Niệm - Lê Chân - HP

Mẫu số: 01 - VT
QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 03/12/2010

Số: 5316

Họ tên người giao hàng: Nguyễn Văn Quang

Nợ: 1521

Nhập tại kho: Kho nguyên liệu số 02 (Thanh)

Có: 331

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất VLSPHH	Mã số	ĐV tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo C.từ	Thực nhập		
1	Sắn lát		Kg		500.000	2.000	1.000.000.000
	Cộng tiền hàng						1.000.000.000

(Bảng chữ: Một tỷ đồng chẵn)

Kế toán trưởng

Phụ trách cung tiêu

Người giao hàng

Thủ kho

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

2.2.4.2. Thủ tục và chứng từ xuất kho nguyên vật liệu tại công ty.

Ở công ty, xuất kho nguyên vật liệu chủ yếu là cho sản xuất sản phẩm, ngoài ra khi có yêu cầu có thể xuất bán hoặc xuất khác. Tuy nhiên, cũng đòi hỏi các chứng từ liên quan tới nghiệp vụ xuất cũng phải được phê chuẩn đầy đủ và hợp lệ.

Các chứng từ kế toán sử dụng: Phiếu xuất nguyên vật liệu, lệnh sản xuất, phiếu xin lĩnh vật tư...

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất trong ngày, phân xưởng sản xuất lập "phiếu xin lĩnh vật tư" (Biểu số 4) hoặc "phiếu xin lĩnh vật tư theo hạn mức". Phiếu này sẽ ghi rõ họ tên người lĩnh, chi tiết loại vật tư, số lượng. Ngoài ra, có thể kèm theo "phiếu lệnh sản xuất" xác định tên sản phẩm sản xuất, tổng số mẻ, và loại đóng gói bao gồm hai cột: kế hoạch và thực hiện, trên đó có chữ ký của người viết lệnh, người nhận, người giám sát sản xuất.

Sau khi đã thông qua phòng cung ứng vật tư, xét thấy nhu cầu hợp lý, thủ kho sẽ viết phiếu xuất kho (biểu số 5) theo số lượng yêu cầu của phân xưởng. Phiếu xuất kho có thể lập riêng cho từng thứ nguyên vật liệu hoặc lập cho nhiều loại cùng kho. Phiếu xuất kho được lập thành 2 liên:

- Liên 1: Thủ kho giữ (liên gốc), làm căn cứ ghi vào sổ theo dõi dưới kho.
- Liên 2: Được gửi cho kế toán làm căn cứ ghi vào sổ.

Sau đó, thủ kho sẽ tổ chức giám sát công nhân lấy nguyên vật liệu trong kho theo yêu cầu.

Ví dụ 2.5: Ngày 05/12/2010, phân xưởng sản xuất có nhu cầu sản lát, phiếu xin lĩnh vật tư được viết như sau:

Biểu số 4:

Công ty TNHH Thương mại VIC

KCN Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

PHIẾU XIN LĨNH VẬT TƯ

Ngày 05 tháng 12 năm 2010

Tên tôi là: Lê Văn Chương.

Thuộc bộ phận: Phân xưởng sản xuất.

Lý do: Xuất nguyên liệu sản xuất thức ăn hỗn hợp lợn con.

Đề nghị cấp một số vật tư như sau:

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	
			Đề nghị	Thực hiện
1	Sấn lát	Kg	10.000	

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

Phòng kỹ thuật

(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận

(Ký, họ tên)

Người yêu cầu

(Ký, họ tên)

Biểu số 5:

Công ty TNHH Thương mại VIC

Mẫu số: 02- VT

KCN Vĩnh Niệm - Lê Chân - HP

QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05/12/2010

Họ tên người nhận hàng: Máy số 01-Tổ 1(Thái)-nghiên

Số: 6112

Lý do xuất: Sản xuất bán thành phẩm 151- Tổ Thái

Nợ: 621

Xuất tại kho: Kho nguyên liệu số 2 (Phán)

Có: 1521

TT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất VLSPHH	Mã số	ĐV tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Sấn lát		Kg	10.000	10.000		
	Cộng						

Số tiền (bằng chữ): Mười chín triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng.

Phụ trách cung tiêu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người nhận

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

2.2.5. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thương mại VIC.

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu là công việc kết hợp chặt chẽ giữa việc hạch toán nghiệp vụ của thủ kho và việc ghi chép kế toán tại phòng kế toán công ty trong việc quản lý vật tư. Mà ở đó, thủ kho có trách nhiệm quản lý về mặt số lượng, còn kế toán kiểm soát cả về mặt số lượng và giá trị.

Công việc hạch toán chi tiết là công việc khá phức tạp, đòi hỏi phải phản ánh kịp thời, đầy đủ cả về mặt hiện vật và giá trị trong quá trình kiểm soát các loại nguyên vật liệu.

Quá trình nhập xuất của công ty lại diễn ra thường xuyên, liên tục nên hiện tại doanh nghiệp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song.

- Ở kho:

Thủ kho sử dụng thẻ kho (Biểu số 6) để theo dõi tình hình biến động của từng thứ nguyên vật liệu về mặt hiện vật, nhằm xác định căn cứ cho việc tồn kho dự trữ nguyên vật liệu, đồng thời cũng xác định được trách nhiệm vật chất của thủ kho.

Mỗi thẻ kho dùng để ghi chép cho một thứ nguyên vật liệu. Hàng ngày khi có nghiệp vụ nhập (xuất) nguyên vật liệu phát sinh sau khi thực hiện công việc nhập kho (xuất kho) thủ kho sẽ ghi số lượng thực nhập (thực xuất) vào phiếu nhập kho(Phiếu xuất kho). Căn cứ vào các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho (liên 2) thủ kho ghi số lượng thực nhập(thực xuất) vào thẻ kho, cuối ngày thủ kho tính ra số lượng tồn kho nguyên vật liệu để ghi chép vào cột “tồn” của thẻ kho. Các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho sau khi được sử dụng để ghi vào thẻ kho sẽ được thủ kho bảo quản để giao cho kế toán làm căn cứ ghi sổ kế toán.

- Ở phòng kế toán:

Kế toán sử dụng sổ kế toán chi tiết (Biểu số 7) để ghi chép tình hình nhập xuất cho từng thứ vật tư theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị.

Hàng tuần, nhân viên kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép của thủ kho, đồng thời ký xác nhận vào thẻ kho và nhận các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho về phòng kế toán. Ở phòng kế toán, kế toán vật tư kiểm tra chứng từ và hoàn

chính nốt chỉ tiêu giá trị trên các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho. Đối với phiếu nhập kho, kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT(của người bán), các chứng từ khác liên qua để tính ra “Đơn giá” và “Thành tiền”. Còn đối với phiếu xuất kho, để giúp cho việc tính “Đơn giá” cho từng phiếu xuất được đơn giản, kế toán sử dụng chỉ tiêu số lượng trên phiếu xuất kho để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu và từ sổ chi tiết nguyên vật liệu tính ra đơn giá xuất, tổng giá trị xuất của mỗi loại nguyên vật liệu xuất kho. Căn cứ vào đơn giá xuất trên sổ chi tiết nguyên vật liệu, kế toán hoàn thành nốt chỉ tiêu “Đơn giá” và “Thành tiền” trên phiếu xuất kho.

Để có thể quản lý chi tiết nguyên vật liệu cả về hiện vật và giá trị, phòng kế toán của công ty đã sử dụng sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu số 7). Các sổ chi tiết này được mở chi tiết cho từng thứ nguyên vật liệu. Cơ sở để ghi sổ là các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho và sổ chi tiết kỳ trước.

Ví dụ 2.6: Căn cứ vào phiếu nhập số 5316, phiếu xuất 6112 và các phiếu nhập, phiếu xuất sản lát trong tháng 12/2010, thủ kho ghi thẻ mặt hàng sản lát.

Biểu số 6:

Công ty TNHH Thương mại VIC

KCN Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu số S12 - DN

QĐ 15/2006- BTC

Ngày 20/03/2006

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/12/2010

Tờ số:

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Sắn lát.

Đơn vị tính: Kg

STT	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Chữ kí xác nhận của kế toán
	Ngày	Số			Nhập	Xuất	Tồn	
			<u>Dư đầu tháng</u>				<u>20.000</u>	
1	03/12	5316	Nhập kho	03/12	500.000		520.000	
2	05/12	6112	Xuất kho	05/12		10.000	510.000	
...
			Cộng số phát sinh		935.500	855.900		
			<u>Dư cuối tháng</u>				<u>99.600</u>	

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Biểu số 7:

Công ty TNHH Thương mại VIC
 KCN Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu số S10- DN
 QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
 Ngày 20 tháng 03 năm 2006

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ

Năm: 2010

Đơn vị tính: Kg

Tên vật liệu: Sắn lát - Tài khoản: 152

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	Ngày				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		<u>Tồn ngày 30/11</u>		<u>1.800</u>					<u>20.000</u>	<u>36.000.000</u>
		Phát sinh trong kỳ								
PN 5316	03/12	Mua sắn lát, chậm thanh toán	112	2.000	500.000	1.000.000.000			520.000	1.036.000.000
PX 6112	05/12	Xuất kho sắn lát cho sản xuất	621	1.922			10.000	19.920.000	510.000	1.016.080.000
									
		Cộng phát sinh			935.500	1.852.290.750	855.900	1.691.258.400		
		<u>Tồn ngày 31/12</u>							<u>99.600</u>	<u>197.032.350</u>

Cuối tháng, kế toán tiến hành đối chiếu số liệu trên sổ chi tiết nguyên vật liệu với sổ trên thẻ kho, nếu khớp nhau (về số lượng) thì các số liệu trên sổ chi tiết nguyên vật liệu được dùng để lập "Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu" (Biểu số 8).

Biểu số 8:

Công ty TNHH Thương mại VIC
KCN Vĩnh Niệm - Lê Chân - HP

Mẫu số S11- DN
QĐ 15/2006/QĐ - BTC
Ngày 20/03/2006

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, HÀNG HOÁ

Tài khoản: 152

Năm: 2010

STT	Tên vật liệu	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	Bột cá bổ sung	4,969,005,990	10,392,255,373	15,190,202,000	171,059,363
2	Bột huyết	1,087,456,000	11,763,000,000	11,763,000,000	-
3	Bơ	1,848,000	-	1,848,000	-
4	Cám gạo	-	5,648,846,400	5,648,846,400	-
5	Đậu tương hạt	1,187,500,000	3,522,750,500	3,986,125,015	724,125,485
6	Vitamin C	5,325,789	157,352,636	131,948,425	30,730,000
7	Sữa 306	57,183,500	342,448,620	343,999,565	55,632,555
8	Bột ngũ cốc	1,876,831,890	2,744,182,913	4,513,074,333	107,940,470
9	Dầu cá	5,489,196,500	3,956,172,019	8,320,143,192	1,125,225,327
10	Sắn lát	36,000,000	1,852,290,750	1.691.258.400	197.032.350
11	Lyzine	1,420,225,216	4,839,450,200	5,288,003,291	971,672,125
...				
...				
	Tổng cộng	54,609,727,922	578,338,626,300	576,029,449,639	56,918,904,583

2.2.6. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thương mại VIC.

Song song với công việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu hàng ngày thì kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là công việc không thể thiếu được trong công tác kế toán nguyên vật liệu.

Hiện nay, công ty TNHH Thương mại VIC đang áp dụng kế toán tổng hợp nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Tức là việc ghi chép tính toán tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu vào các tài khoản, sổ kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trên cơ sở các chứng từ hợp lý được diễn ra thường xuyên liên tục. Và trong quá trình hạch toán kế toán công ty cũng sử dụng các tài khoản có liên quan đến tình hình tăng giảm nguyên vật liệu theo phương pháp này.

2.2.6.1. Tài khoản sử dụng.

Tại công ty, kế toán nguyên vật liệu sử dụng một số TK sau:

TK 152: Nguyên liệu, vật liệu.

TK 1521: Nguyên vật liệu chính.

- Các nghiệp vụ nhập nguyên vật liệu, công ty sử dụng tài khoản sau:

+ TK 111: Tiền mặt.

+ TK 112: Tiền gửi ngân hàng.

+ TK 331: Phải trả cho người bán.

+ TK.....

- Các nghiệp vụ xuất nguyên vật liệu, công ty sử dụng tài khoản sau:

+ TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

+ TK 627: Chi phí sản xuất chung.

+ TK 241: Xây dựng cơ bản dở dang.

+ TK.....

2.2.6.2. Sổ sách sử dụng.

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Đây là hình thức kế toán thích hợp cho mọi loại hình doanh nghiệp có ứng dụng máy vi tính vào công tác kế toán. Chính vì vậy các loại sổ sách kế toán của công ty sử dụng đều phải tuân theo những quy định chung của hình thức này, bao gồm:

- Sổ cái TK 152- Nguyên liệu, vật liệu.
- Sổ chi tiết nguyên vật liệu.

Các sổ liên quan khác như sổ chi tiết phải trả nhà cung cấp vật tư, sổ chi tiết TK 621, các bảng tổng hợp chứng từ gốc...

2.2.6.3. Hạch toán tổng hợp nhập kho nguyên vật liệu tại công ty.

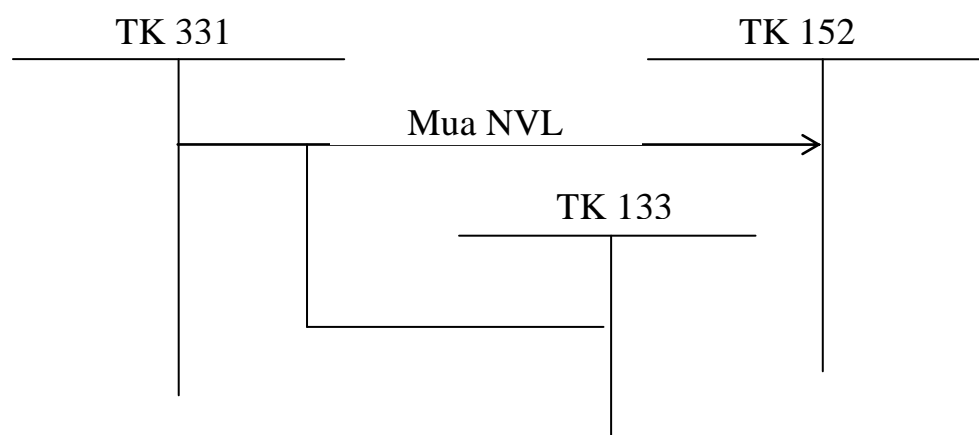
Do nguyên vật liệu của công ty được nhập hoàn toàn từ mua ngoài nên đã nảy sinh quan hệ thanh toán giữa công ty và các nhà cung cấp vật tư. Đối với những vật tư mua lẻ có giá trị nhỏ có thể thanh toán ngay bằng tiền mặt. Còn đối với những vật tư có giá trị lớn, công ty thường sử dụng hình thức thanh toán bằng chuyển khoản. Hình thức này giúp cho việc thanh toán được dễ dàng và nhanh chóng. Bên cạnh đó, công ty cũng dùng hình thức thanh toán trả chậm đối với những nhà cung cấp có quan hệ thường xuyên với công ty.

Cụ thể công việc hạch toán tổng hợp nhập nguyên vật liệu được thực hiện như sau:

2.2.6.3.1. Nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài chưa thanh toán.

Hình thức mua nguyên vật liệu chưa thanh toán của công ty thường được áp dụng khi mua nguyên vật liệu của các nhà cung cấp có quan hệ thường xuyên với công ty. Việc theo dõi các khoản thanh toán với người bán được kế toán thực hiện trên cả phần mềm kế toán và trên sổ sách.

Mô hình nghiệp vụ:



Ví dụ 2.7: Ngày 11 tháng 12 năm 2010, Công ty mua 22.000 kg bột cá loại 65 độ đạm của công ty TNHH Tân Tiên theo hoá đơn GTGT 066719. Tổng giá thanh toán 326.700.000đ. Trong đó đơn giá chưa có VAT 10% là 13.500đ/kg, công ty chưa thanh toán.

- HĐGTGT 066719 (Biểu số 9)
- Nhật ký chung (Biểu số 10)
- Sổ Cái TK 152 (Biểu số 11)
- Sổ Cái TK 331 (Biểu số 12)

Biểu số 9:



Hoá đơn GTGT)
 Liên 2: (Giao khách hàng)
 Ngày 11 tháng 12 năm 2010

Ký hiệu: AA/2010T
SỐ : 066719

Tên người mua: Nguyễn Hồng Quân
 Đơn vị: **Công ty TNHH Thương mại VIC**
 Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng - Điện thoại: 0313.742999
 Số tài khoản: 3408659 Ngân hàng TMCP Á Châu, chi nhánh Hải Phòng

Mã số thuế:

0	2	0	0	3	5	8	1	8	4			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH Tân Tiến**

Địa chỉ:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Hình thức thanh toán: Chậm thanh toán

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Chiết khấu
1	Bột cá loại 65đ đậm	Kg	22.000	13.500	297.000.000	
Tổng cộng						
					297.000.000	

	Cộng tiền hàng :	297.000.000
	Tiền chiết khấu Thương mại	
	Tiền hàng trước thuế:	297.000.000
Thuế suất GTGT: 10 %	Tiền thuế GTGT:	29.700.000
	Tổng tiền thanh toán:	326.700.000

Số tiền bằng chữ: *Ba trăm hai sáu triệu, bảy trăm nghìn đồng.*

Người mua hàng
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên)

Biểu số 10:

Công ty TNHH Thương mại VIC
KCN Vĩnh Niệm - Lê Chân - HP

Mẫu số S03a - DN
QĐ 15/2006- BTC
Ngày 20/3/2006

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2010

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số phát sinh	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang			6,821,672,370,500	6,821,672,370,500
					
PC 1819	3-Dec	Chi tiền tạm ứng cho Dương	141		3,000,000	
				1111		3,000,000
PT1589	3-Dec	Thu tiền bán hàng	1111		119,958,000	
				131		119,958,000
PN 5316	3-Dec	Mua sản lát, chưa thanh toán	152		1,000,000,000	
			133		100,000,000	
				331		1,100,000,000
PC 1820	4-Dec	Chi trả tiền bột đá	331		79,380,000	
				1111		79,380,000
PT 1590	6-Dec	Thu tiền bán ngô hạt (Trần Tô)	1111		18,020,000	
				131		18,020,000
PN 5322	8-Dec	Mua đậu tương hạt, thanh toán bằng NGNH	156		196,412,500	
			133		19,641,250	
				112		216,053,750
PC 1822	9-Dec	Chi tiền gia công sàng búa	331		24,301,200	
				1111		24,301,200
PN 5323	10-Dec	Mua vỏ bao L40, thanh toán bằng tiền mặt	152		9,025,000	
			133		902,500	
				1111		9,927,500
PN 5324	11-Dec	Mua bột cá loại 65đ đậm, chưa thanh toán	152		297,000,000	
			133		29,700,000	
				331		326,700,000
					
		Cộng phát sinh			7,332,733,495,853	7,332,733,495,853

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 11:

Công ty TNHH Thương mại VIC
 KCN Vĩnh Niệm- Lê Chân - HP

Mẫu số S03b- DN
 QĐ 15/2006- BTC
 Ngày 20/3/2006

SỔ CÁI

Năm: 2010

SHTK: 152

Tên TK: Nguyên vật liệu

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư 30/11</u>		<u>54,609,727,922</u>	
		Phát sinh trong kỳ			
				
PN 5316	03/12	Mua sản lát của công ty Minh Hằng, chưa thanh toán	331	1,000,000,000	
PX 6112	05/12	Xuất sản lát cho sản xuất	621		19,920,000
PN 5322	08/12	Mua đậu tương hạt, thanh toán bằng chuyển khoản	112	196,412,500	
PX 6120	11/12	Bán đậu tương hạt, thu bằng tiền gửi ngân hàng	632		171,000,000
PN 5323	11/12	Mua bột cá loại 65đ đậm, chưa thanh toán	331	297,000,000	
				
		Cộng phát sinh		578,338,626,300	576,029,449,639
		<u>Số dư 31/12</u>		<u>56,918,904,583</u>	

Người ghi sổ
 (Ký, tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên)

(Trích năm 2010)

Biểu số 12:

Công ty TNHH Thương mại VIC
 KCN Vĩnh Niệm- Lê Chân - HP

Mẫu số S03b- DN
 QĐ 15/2006- BTC
 Ngày 20/3/2006

SỔ CÁI

Năm: 2010

SHTK: 331

Tên TK: Phải trả người bán

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư 30/11</u>			<u>481,264,607</u>
		Phát sinh trong kỳ			
				
PN 5316	03/12	Mua sản lát của công ty Minh Hằng, chưa thanh toán	152		1,000,000,000
			133		100,000,000
PC 1820	04/12	Chi trả tiền bột đá	1111	79,380,000	
PC 1822	09/12	Chi tiền gia công sàng búa	1111	24,301,200	
PN 5323	11/12	Mua bột cá loại 65đ đậm, chưa thanh toán	152		297,000,000
			133		29,700,000
				
		Cộng phát sinh		304,025,296,400	304,193,028,991
		<u>Số dư 31/12</u>			<u>648,997,072</u>

Người ghi sổ
 (Ký, tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

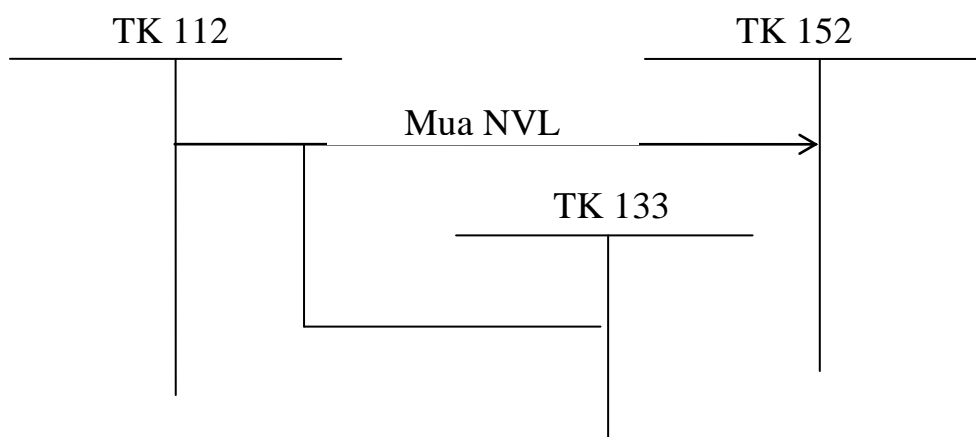
Giám đốc
 (Ký, họ tên)

(Trích năm 2010)

2.2.6.3.2. Nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài được thanh toán ngay bằng tiền gửi ngân hàng.

Thông thường việc thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng áp dụng với những lô hàng có giá trị lớn.

Mô hình nghiệp vụ:



Ví dụ 2.8: Ngày 08 tháng 12 năm 2010, công ty mua 20.675kg đậu tương hạt của công ty Vật tư Nông nghiệp I - HP theo hoá đơn GTGT 066716. Tổng số tiền thanh toán là 216.053.750 đồng. Trong đó, đơn giá mua chưa có VAT 10% là 9.500đ/kg, công ty đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Khi nhận được hoá đơn GTGT số 066716 (Biểu số 13):

- Kế toán nguyên vật liệu căn cứ vào hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu.

- Kế toán thanh toán căn cứ vào hoá đơn GTGT, uỷ nhiệm chi, lệnh chi (Biểu số 14) của ngân hàng để định khoản.

- Định kì, Kế toán tổng hợp căn cứ vào hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, uỷ nhiệm chi của ngân hàng để ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 10), từ nhật ký chung vào sổ Cái TK 152 (Biểu số 11).

Biểu số 13:



Hoá đơn GTGT)
 Liên 2: (Giao khách hàng)
 Ngày 08 tháng 12 năm 2010

Ký hiệu: AA/2010T
SỐ : 066716

Tên người mua: Nguyễn Hồng Quân

Đơn vị: **Công ty TNHH Thương mại VIC**

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng - Điện thoại: 0313.742999

Số tài khoản: 3408659 Ngân hàng TMCP Á Châu, chi nhánh Hải Phòng

Mã số thuế:

0	2	0	0	3	5	8	1	8	4			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

Đơn vị bán hàng: **Công ty Vật Tư Nông nghiệp I - HP**

Địa chỉ:

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Chiết khấu
1	Đậu tương hạt	Kg	20,675	9,500	196,412,500	
Tổng cộng						196,412,500

	Cộng tiền hàng :	196,412,500
	Tiền chiết khấu Thương mại	
	Tiền hàng trước thuế:	196,412,500
Thuế suất GTGT: 10 %	Tiền thuế GTGT:	19,641,250
	Tổng tiền thanh toán:	216,053,750

Số tiền bằng chữ: Hai trăm mười sáu triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng.

Người mua hàng
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên)

Biểu số 14:

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG HẢI PHÒNG

Liên 1/copy 1

Số /No: 08R18

LỆNH CHI

PAYMENT ORDER

Ngày /Date: 08/12/2010

Đơn vị trả tiền /Payer: Công ty Vật Tư Nông nghiệp I- HP

Tk nợ / Debit AC : 102010000207186

Ngân hàng / With bank : Công thương Hải Phòng .

Số tiền bằng chữ : Hai trăm mười sáu triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng.

Số tiền bằng số
216.053.750

Tên đơn vị trả / Payee : Công ty TNHH Thương mại VIC

Tk có / order /AC : 3408659

Tại ngân hàng /With bank : Công thương Hải Phòng

Nội dung : Trả tiền mua hàng.

Ngày hạch toán / Date counting date: 08/12/2010

Đơn vị trả tiền / Payer

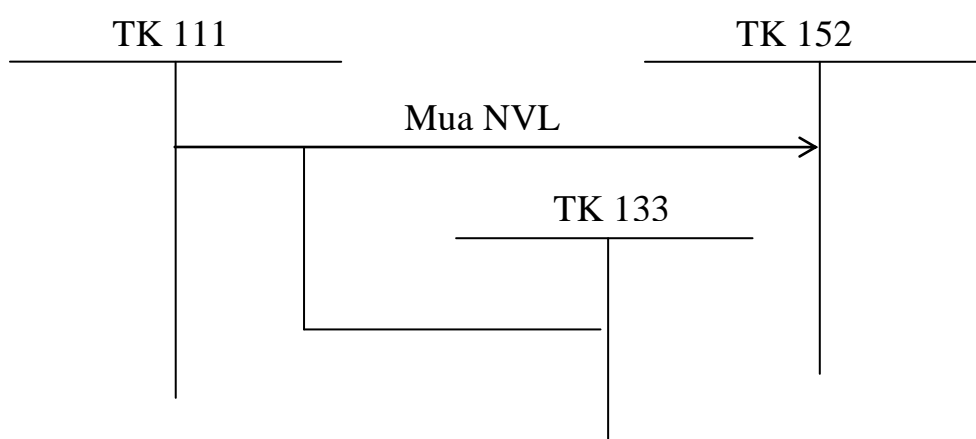
Giao dịch viên	Kiểm soát viên	Kế toán	Chủ tài khoản
Teller	Supervisor	Accountant	A/C holder

(Mẫu số 07/NHCT 10)

2.2.6.3.3. Nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài nhưng thanh toán bằng tiền mặt.

Khi phát sinh nghiệp vụ mua nguyên vật liệu thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, thủ quỹ thực hiện các nghiệp vụ chi tiền mặt mua nguyên vật liệu, ghi sổ quỹ hàng ngày, lập báo cáo quỹ cho phòng kế toán kèm theo tất cả các chứng từ chi làm cơ sở ghi sổ kế toán.

Mô hình nghiệp vụ:



Ví dụ 2.9: Ngày 22/12/2010, công ty mua 850 kg đậu tương hạt của công ty TNHH sản xuất và thương mại Sao Mai, thanh toán ngay bằng tiền mặt. Căn cứ vào HĐGTGT số 066736 có:

Giá chưa thuế:	7.820.000
Thuế GTGT(Thuế suất 10%):	782.000
Tổng giá thanh toán:	8.602.000

Theo thoả thuận, toàn bộ chi phí vận chuyển bốc dỡ sẽ do bên bán chịu.

Khi nhận được hoá đơn GTGT số 066736 (Biểu số 15):

- Kế toán nguyên vật liệu căn cứ vào hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu.

- Kế toán thanh toán căn cứ vào hoá đơn GTGT để lập phiếu chi (Biểu số 16) .

- Kế toán tổng hợp căn cứ vào hoá đơn GTGT , phiếu nhập kho, phiếu chi mở sổ nhật ký chung (Biểu số 10).

Biểu số 15:



Hoá đơn GTGT)
 Liên 2: (Giao khách hàng)
 Ngày 22 tháng 12 năm 2010

Ký hiệu: AA/2010T
SỐ : 066736

Tên người mua: Nguyễn Hồng Quân
 Đơn vị: **Công ty TNHH Thương mại VIC**
 Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng - Điện thoại: 0313.742999
 Số tài khoản: 3408659 Ngân hàng TMCP Á Châu, chi nhánh Hải Phòng

Mã số thuế:

0	2
---	---

0	0	3	5	8	1	8
---	---	---	---	---	---	---

4			
---	--	--	--

--	--	--

--

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Sao Mai**

Địa chỉ:

--	--

--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

--	--	--

--

Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt.

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Chiết khấu
1	Đậu tương hạt	Kg	850	9.200	7.820.000	
Tổng cộng						7.820.000

	Cộng tiền hàng :	7.820.000
	Tiền chiết khấu Thương mại	
	Tiền hàng trước thuế:	7.820.000
Thuế suất GTGT: 10 %	Tiền thuế GTGT:	7.820.000
	Tổng tiền thanh toán:	8.602.000

Số tiền bằng chữ: *Tám triệu, sáu trăm linh hai nghìn.*

Người mua hàng
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên)

Biểu số 16:

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC** Số: PC 2289
Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm - Lê Chân - HP Nợ: 152
Mã số thuế: 0200358184 Nợ: 133
Tel: (031) 742976 Có: 1111

PHIẾU CHI TIỀN MẶT

Ngày 22 tháng 12 năm 2010

Họ và tên người nhận Nguyễn Thị Hiền
Địa chỉ (tên) Công ty TNHH Sao Mai
Lý do chi Chi trả tiền mua đậu tương hạt
Số tiền **8.602.000**
Bằng chữ Tám triệu, sáu trăm linh hai nghìn.
Kèm theo 01 chứng từ gốc
GGT (CMT) số: Ngày: *22 tháng 12 năm 2010*

Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập biểu (Ký, họ tên)
-------------------------------------------------------	---------------------------------------	---------------------------------------

Đã nhận đủ số tiền: **Tám triệu, sáu trăm linh hai nghìn.**
(bằng chữ)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Ngày 22 tháng 12 năm 2010
Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

2.2.6.4. Hạch toán tổng hợp xuất kho nguyên vật liệu tại công ty.

Việc xuất dùng nguyên vật liệu chủ yếu là phục vụ nhu cầu sản xuất. Tùy theo mục đích sử dụng, hạch toán tổng hợp xuất vật liệu sẽ phản ánh giá trị thực tế của nguyên vật liệu xuất dùng vào bên có TK 152 và vào bên nợ của các TK có liên quan.

Cuối tháng, căn cứ vào các phiếu xuất kế toán lập bảng phân bổ vật liệu. Số liệu trên hàng tổng cộng của bảng phân bổ nguyên vật liệu (Biểu số 17) được đối chiếu khớp với số liệu trên dòng xuất của bảng tổng hợp chi tiết vật tư.

Biểu số 17:

Công ty TNHH Thương mại VIC
KCN Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu số 07-VT
QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006

BẢNG PHÂN BỐ NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Ghi có TK 152	
	Đối tượng sử dụng (Ghi nợ các TK)	TK 152
I	TK 621	374.419.142.200
	Xuất nguyên vật liệu sản xuất sản phẩm	374.419.142.200
II	TK 627	144.007.362.400
	Xuất NVL phục vụ sản xuất	144.007.362.400
II	TK 641	34.561.766.980
	Xuất NVL phục vụ bán hàng	34.561.766.980
III	TK 642	23.041.178.020
	Xuất NVL phục vụ quản lý DN	23.041.178.020
	Tổng cộng	576.029.449.639

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

CHƯƠNG III

**PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC**

3.1. Đánh giá chung công tác hạch toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH thương mại VIC.

Hình thành và phát triển trong nền kinh tế thị trường, công ty TNHH Thương mại VIC gặp không ít các khó khăn, thử thách. Sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp sản xuất cùng loại sản phẩm, làm cho cung vượt quá cầu. Song với sự nỗ lực của mình, công ty vẫn phát triển không ngừng, sản phẩm của công ty ngày càng có uy tín trên thị trường. Có được những thành tích này là nhờ vào bộ máy điều hành và quản lý công ty nói chung và bộ máy kế toán công ty nói riêng.

Qua thời gian thực tập, tìm hiểu thực tế về tình hình sản xuất kinh doanh, công tác kế toán tại công ty và trên cơ sở những kiến thức đã được học, sự vận dụng lý luận vào thực tiễn, em nhận thấy công tác tổ chức kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng ở công ty đã đạt được những kết quả tích cực và cũng còn một số mặt hạn chế.

3.1.1. Ưu điểm.

- Về công tác tổ chức kế toán nói chung:

+ Trong công tác kế toán, công ty đã xây dựng cho mình một đội ngũ kế toán viên vững vàng, có kinh nghiệm trong công tác kế toán, luôn áp dụng chế độ kế toán hiện hành kịp thời. Công việc kế toán được phân công cụ thể, phù hợp với trình độ nhân viên kế toán, từ đó tạo điều kiện phát huy và nâng cao trình độ kiến thức cho từng người. Chính điều này tạo ra một bộ máy kế toán được tổ chức một cách gọn nhẹ, chặt chẽ, khoa học, tận dụng được hết khả năng của từng nhân viên kế toán đồng thời tăng thêm thu nhập cho từng người.

+ Việc tổ chức công tác kế toán theo mô hình tập trung là mô hình đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, thống nhất đối với công tác kiểm tra, xử lý, cung cấp thông tin giúp ban lãnh đạo ra quyết định nhanh chóng, chính xác.

+ Các quy định mới về kế toán do nhà nước ban hành đều được công ty cập nhật và vận dụng một cách phù hợp với đặc điểm hoạt động của đơn vị.

+ Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung với hệ thống sổ sách tương đối đầy đủ phù hợp với quy mô và đặc điểm sản xuất.

- Về công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu:

+ Công ty đánh giá nguyên vật liệu theo trị giá vốn thực tế và tính giá xuất kho theo phương pháp đơn giá bình quân liên hoàn. Việc đánh giá như vậy là hợp lý.

+ Công ty hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra, đối chiếu.

+ Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên nên bất cứ thời điểm nào cũng tính được giá trị nhập, xuất, tăng, giảm, hiện có của nguyên vật liệu. Như vậy, công ty có điều kiện để quản lý tốt nguyên vật liệu và hạch toán chặt chẽ đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra kế toán tại công ty.

+ Trong công tác hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, giữa phòng kế toán và thủ kho có sự phối hợp chặt chẽ: Thủ kho theo dõi, quản lý chi tiết nguyên vật liệu trên các thẻ kho, kế toán theo dõi chi tiết trên các sổ chi tiết nguyên vật liệu; hàng tuần nhân viên kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép của thủ kho và nhận các phiếu xuất kho, phiếu nhập kho.

+ Vấn đề kiểm tra tính chính xác của việc ghi chép kế toán chi tiết nguyên vật liệu được thực hiện tốt. Cuối mỗi tháng, kế toán vật tư đều đối chiếu số liệu giữa sổ chi tiết nguyên vật liệu với số liệu trên thẻ kho, giữa sổ cái tài khoản 152 với bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn nguyên vật liệu.

3.1.2. Những mặt hạn chế còn tồn tại.

Bên cạnh những ưu điểm cơ bản, trong quá trình quản lý và sử dụng kế toán nguyên vật liệu còn một số hạn chế sau:

- Về công tác quản lý nguyên vật liệu.

+ Khâu thu mua và vận chuyển: Trong quá trình thu mua và vận chuyển của công ty còn để rơi vãi rất nhiều. Điều này, dẫn tới tình trạng lãng phí một

lượng không nhỏ nguyên vật liệu, làm cho chi phí nguyên vật liệu tính vào giá thành tăng cao do hao hụt nguyên vật liệu kế toán vật tư hạch toán vào tài khoản 627 - Chi phí sản xuất chung. Tuy thủ kho có các biện pháp quét dọn, thu hồi, nhưng do đặc điểm dễ rơi vãi nên công việc thu hồi không thể đảm bảo không có sự thất thoát.

+ Khâu dự trữ, bảo quản: Công ty hiện tại đang xây dựng 03 kho dự trữ nguyên vật liệu dự trữ. Tuy nhiên, cũng có thời gian nguyên vật liệu mua về dự trữ cho sản xuất thì ba kho không đảm bảo chứa hết các loại nguyên vật liệu. Trong trường hợp đó, nhiều nguyên vật liệu phải để ngoài sân kho. Với đặc điểm dễ bị ảnh hưởng của thời tiết như: mưa, gió, bão...thì không được che đậy cẩn thận sẽ dẫn tới tình trạng nguyên vật liệu bị mất giá trị và giảm chất lượng.

Ngoài ra, việc sắp xếp nguyên vật liệu trong kho chưa thật hợp lý bởi nhiều khi một loại nguyên vật liệu lại được để ở nhiều kho, do nhiều thủ quỹ quản lý. Đến cuối tháng, khi kế toán tiến hành tổ chức đối chiếu số liệu với thủ kho sẽ bị mất nhiều công sức bởi cùng một loại nguyên vật liệu phải đợi số liệu tổng hợp từ nhiều kho gửi lên thì mới có thể tổng hợp được số liệu kế toán.

+ Hiện tại, công ty chưa xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu mà thường có kế hoạch thu mua khi phát sinh yêu cầu. Vì vậy, dẫn tới tình trạng là nhiều khi mua quá nhiều một loại nguyên vật liệu mà không sử dụng hết ngay, gây nên tình trạng ứ đọng vốn, đồng thời nguyên vật liệu để lâu cũng dễ mất phẩm chất, hao hụt làm ảnh hưởng tới giá thành sản xuất.

+ Công tác kiểm nghiệm vật tư: Công ty hiện đã có tổ KCS riêng nhưng việc bố trí các nhân viên KCS trong quá trình quản lý và bảo quản nguyên vật liệu chưa nhiều. Khi nguyên vật liệu về tới công ty, thường thì không có bộ phận KCS đứng giám sát kiểm tra chất lượng lô hàng ngay cùng với thủ kho, mà chỉ có nghi ngờ phát hiện những lô hàng nào không đúng phẩm cách thì mới tổ chức tiến hành cùng phòng kỹ thuật vật tư kiểm tra. Cách này chưa thực sự khoa học và phát hiện kịp thời ngay được các lô hàng kém chất lượng.

- Về công tác kế toán nguyên vật liệu:

+ Về phân loại nguyên vật liệu: Doanh nghiệp có phân chia thành 2 loại nguyên vật liệu. Đó là, nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ. Tuy nhiên, khi hạch toán thì kế toán chỉ sử dụng 1 loại tài khoản, TK1521 - nguyên vật liệu chính.

Ví dụ như vỏ bì là nguyên vật liệu phụ nhưng khi hạch toán, kế toán vẫn sử dụng tài khoản 1521. Điều này làm cho việc phân chia chi tiết, mã hoá nguyên vật liệu là rất nhiều. Đồng thời, cũng không phản ánh đúng chức năng và công dụng gây ra khó khăn cho công tác quản lý và dễ nhầm lẫn các loại với nhau.

+ Về hạch toán chi tiết: Công ty áp dụng phương pháp ghi thẻ song song nhưng thủ kho lại không mở thẻ kho theo quy định 15/2006/QĐ- BTC

+ Việc hạch toán tổng hợp tình hình biến động nguyên vật liệu: Đối với những nguyên vật liệu có giá trị lớn hoặc yêu cầu về chất lượng vật liệu cao hoặc một loại vật liệu nhưng có nhiều quy cách khác nhau, với đơn giá khác nhau dễ gây nhầm lẫn thì trước khi tiến hành nhập kho và viết phiếu nhập kho công ty nên tiến hành kiểm nghiệm vật tư và lập biên bản kiểm nghiệm vật tư.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thương mại VIC.

3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện.

Việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty đặc biệt chú ý đến các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc nhất quán: Kế toán đã chọn phương pháp nào để hạch toán nguyên vật liệu thì phải áp dụng phương pháp đó trong cả niên độ kế toán.

- Nguyên tắc giá gốc: Quy định nguyên vật liệu phải được đánh giá theo giá gốc.

- Nguyên tắc thận trọng: Để hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu cần phải thận trọng trong từng bước.

3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện.

Kế toán trong doanh nghiệp nói chung mà cụ thể ở đây là kế toán nguyên vật liệu là công cụ đặc lực của doanh nghiệp trong quản lý sản xuất kinh doanh nói chung nên đòi hỏi nó phải luôn hướng tới sự hoàn thiện. Tuy nhiên, công việc

kế toán lại thay đổi thường xuyên, liên tục tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty trong từng giai đoạn và theo những chính sách chế độ quản lý kinh tế tài chính mới của nhà nước. Chính vì thế mà quá trình tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp phải đáp ứng được những yêu cầu sau:

- Tôn trọng nguyên tắc, chế độ, chuẩn mực kế toán. Đây là yêu cầu bắt buộc, là cơ sở, nền tảng cho việc quản lý, điều hành thống nhất hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp khác nhau có thể áp dụng những hình thức, phương pháp kế toán khác nhau nhưng vẫn phải đảm bảo tuân thủ đúng chế độ, chuẩn mực kế toán của Nhà nước. Đó chính là hành lang pháp lý của công tác kế toán tạo ra khả năng so sánh, đối chiếu được và thuận tiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo, đào tạo đội ngũ cán bộ kế toán.

- Tổ chức kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp về tổ chức sản xuất kinh doanh và về công tác quản lý. Mỗi doanh nghiệp có đặc điểm sản xuất kinh doanh khác nhau thì sẽ lựa chọn cho mình một hình thức kế toán, phương pháp kế toán khác nhau (phương pháp kế toán hàng tồn kho, phương pháp tính giá vốn xuất kho...) để đảm bảo sự phù hợp đó. Nếu doanh nghiệp chỉ áp dụng cứng nhắc một hình thức, một phương pháp kế toán nào đó không thích hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp tất yếu sẽ tạo ra sự bất hợp lý trong khi hạch toán và không đem lại hiệu quả công tác kế toán như mong muốn. Tuy vậy việc lựa chọn này dù linh động đến đâu vẫn phải đảm bảo các chế độ, chuẩn mực của Nhà nước.

- Công tác kế toán phải đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Yêu cầu này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc đưa ra các quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp. Nếu thông tin kế toán không đáp ứng được những yêu cầu cơ bản này thì quyết định kinh tế của doanh nghiệp sẽ không đảm bảo được tính thích hợp, đúng đắn, sát với thực tế. Hơn nữa, thông tin kế toán được cung cấp còn là một bức tranh toàn cảnh về doanh nghiệp. Nó là căn cứ để thuyết phục các chủ đầu tư, các ngân hàng... trong việc ký kết các hợp đồng đầu thầu lớn, thực hiện các khoản vay, các dự án lớn... vì thế thông tin kế toán được cung

cấp như thế nào sẽ quyết định sự thắng lợi của doanh nghiệp trong cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

- Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu phải trong mối quan hệ thống nhất với các phần hành kế toán khác, giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán tài chính và kế toán quản trị. Kế toán nguyên vật liệu cũng như các phần hành kế toán khác chỉ là một bộ phận trong toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp, giữa chúng có mối quan hệ mật thiết, khăng khít với nhau, bổ sung cho nhau, không thể thiếu một bộ phận kế toán nào. Vì vậy, bất kỳ một phần hành kế toán nào yếu kém sẽ đều ảnh hưởng tới các phần hành kế toán khác và do đó tác động xấu tới cả hệ thống kế toán của doanh nghiệp.

Chỉ có trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu trên thì kế toán vật liệu mới thực hiện tốt vai trò của mình và trở thành công cụ quản lý hữu ích của doanh nghiệp.

3.2.3. Nội dung hoàn thiện công tác kế toán và quản trị nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thương mại VIC.

Từ những kiến thức lý luận được trang bị trong nhà trường cùng với tình hình thực tế tại công ty TNHH Thương mại VIC, nên em mạnh dạn đề xuất một số ý kiến như sau:

- Một là: Về việc mở thêm tài khoản.

Kế toán nên mở thêm TK 1522 - Vật liệu phụ, để phản ánh các loại vật liệu phụ (ví dụ: bao bì đóng gói), bởi như vậy sẽ phản ánh đúng chức năng cũng như công dụng của từng loại nguyên vật liệu trong sản xuất. Ngoài ra, việc mở thêm TK 1522, sẽ giúp cho việc quản lý theo dõi các loại nguyên vật liệu một cách khoa học và thuận tiện hơn, tránh gây tình trạng nhầm lẫn, sai sót, đồng thời phản ánh đúng theo quy định của Nhà nước.

Hai là: Thành lập ban kiểm nghiệm vật tư.

Vật tư, hàng hoá nói chung và nguyên vật liệu nói riêng cần phải được kiểm tra kỹ lưỡng trước khi nhập kho để xem xét loại hàng nhập kho có đúng, đủ với những điều khoản ghi trên hợp đồng mua hàng hay không, tránh tình trạng nhập kho phải những hàng kém chất lượng, sai quy cách hoặc là nhập không đủ số lượng so với thực mua. Do đó, tiến tới Công ty cần thành lập ban kiểm nghiệm

vật tư, hàng hoá (gọi tắt là KCS). Ban kiểm nghiệm cần phải có ít nhất: Một đại diện phụ trách mua hàng, thủ kho, một đại diện phụ trách kỹ thuật sản xuất. Những người trong ban kiểm nghiệm phải thành thạo về mẫu mã, phẩm chất và quy cách của hàng mua. Sau khi nhận hàng mua về, ban kiểm nghiệm cần lập “Biên bản kiểm nghiệm vật tư, hàng hoá” theo mẫu :

Biểu số 19:

Công ty TNHH Thương mại VIC
KCN Vĩnh Niệm - Lê Chân - HP

Mẫu số 03-VT
QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá

Ngày.....tháng..... năm..... Số:.....

- Căn cứSốNgày.....tháng.....năm.....của.....

- Ban kiểm nghiệm gồm:

+ Ông/ bà.....Chức vụ:.....Đại diện:.....Trưởng ban.

+ Ông/ bà.....Chức vụ:.....Đại diện:.....Ủy viên.

+ Ông/ bà.....Chức vụ:.....Đại diện:..... Ủy viên.

Đã kiểm nghiệm các loại:

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư sản phẩm hàng hoá	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	ĐVT	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	4

Ý kiến của ban kiểm nghiệm:

.....

Đại diện kĩ thuật

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Trưởng ban

(Ký, họ tên)

Đối với những chuyến hàng mua về có giá trị lớn, nhiều chủng loại, thì nhất thiết phải kiểm nghiệm trước khi nhập kho và lập biên bản kiểm nghiệm. Cách ghi chép biên bản kiểm nghiệm như sau:

- Cột D - Phương thức kiểm nghiệm: Ghi phương pháp kiểm nghiệm toàn diện hay xác suất.
- Cột 1: Ghi số lượng theo hoá đơn kiêm phiếu xuất kho, hay phiếu giao hàng.
- Cột 2 và cột 3: Ghi kết quả thực tế kiểm nghiệm.
- Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Ghi rõ ý kiến về số lượng, chất lượng, nguyên nhân đối với nguyên vật liệu không đúng số lượng, quy cách, phẩm chất và cách xử lý.

Biên bản kiểm nghiệm được lập thành 2 bản: 1 bản giao cho bộ phận phụ trách cung tiêu, 1 bản giao cho phòng kế toán.

Trong trường hợp nguyên vật liệu không đúng với số lượng, quy cách, phẩm chất so với chứng từ hoá đơn, thì lập thêm một liên nữa và kèm theo các chứng từ liên quan để gửi cho đơn vị bán nhằm giải quyết.

Ba là: Cần phải xây dựng hệ thống danh điểm vật liệu hoàn chỉnh và thống nhất.

Hiện nay, nguyên vật liệu của công ty được phân loại thành từng nhóm khác nhau. Việc phân loại như vậy thì đơn giản nhưng chưa khoa học, chưa thể hiện rõ đặc điểm công dụng của từng loại nguyên vật liệu.

Xây dựng danh điểm vật tư là việc quy định những ký hiệu riêng bằng hệ thống các chữ số kết hợp với các chữ cái thay thế tên gọi, quy cách, kích cỡ của chúng. Hệ thống các danh điểm vật tư có thể được xác định theo nhiều cách thức khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Nguyên vật liệu của công ty là đa dạng về chủng loại nên việc lập sổ danh điểm vật liệu thống nhất, hợp lý giữa kho và phòng kế toán là việc làm cần thiết. Xây dựng sổ danh điểm vật tư sẽ giúp cho việc quản lý vật liệu được tốt, hạch toán kế toán sẽ chính xác, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vi tính hoá kế toán vật liệu, góp phần giảm bớt khối

lượng công việc hạch toán kế toán, xử lý vật liệu nhanh chóng, cung cấp thông tin kịp thời phục vụ yêu cầu quản lý, chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

Việc xây dựng danh điểm vật tư phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa phòng ban chức năng quản lý để đảm bảo khoa học, hợp lý phục vụ yêu cầu quản lý của công ty.

Về cách xây dựng danh điểm đối với nguyên vật liệu, có thể thực hiện bằng việc mở tài khoản chi tiết theo nội dung kinh tế của nguyên vật liệu.

Một khi hệ thống danh điểm vật tư được xây dựng và công ty ứng dụng tin học vào công tác kế toán thì sẽ phát huy được hiệu quả quản lý, hạch toán nguyên vật liệu.

Bốn là: Tiến tới đầu tư công nghệ tin học vào công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Hiện nay, công nghệ tin học phát triển không ngừng, tạo ra những ưu việt trong công tác quản lý, kế toán. Nhiều doanh nghiệp hiện nay cũng đã mạnh dạn đầu tư nhằm tin học hoá công tác quản lý, kế toán, cho phép nâng cao hiệu quả quản lý đồng thời tiết kiệm được chi phí sản xuất kinh doanh, qua đó tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Áp dụng phần mềm kế toán sẽ giảm thiểu khối lượng công việc, tránh được tình trạng thất thoát mang tính khách quan, tiết kiệm chi phí, đảm bảo tổ chức công tác kế toán gọn nhẹ và hiệu quả cao trong công tác kế toán. Hơn nữa, việc áp dụng phần mềm kế toán phải áp dụng cho tất cả các phần hành kế toán để tạo ra sự đồng bộ về hệ thống sổ sách, tài khoản sử dụng, giảm thiểu được những sai sót tính toán, tiết kiệm thời gian ghi chép và các tính năng của phần mềm được phát huy hết tác dụng.

Để chuẩn bị cho việc áp dụng phần mềm kế toán, công ty nên có kế hoạch bồi dưỡng kỹ năng tin học cho cán bộ kế toán. Điều này sẽ giúp cho việc làm kế toán trên máy được dễ dàng hơn.

Năm là: Tiến hành phân tích khoản chi vật liệu trong giá thành.

Chi phí nguyên vật liệu trong giá thành chiếm tỷ trọng lớn nên một sự biến động nhỏ của khoản chi phí này cũng làm ảnh hưởng không nhỏ đến giá thành

sản phẩm. Để đạt được lợi nhuận tối đa trong sản xuất kinh doanh công ty cần tìm cách giảm chi phí nguyên vật liệu trong khi vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm tốt. Muốn vậy, công ty phải quan tâm đến công tác phân tích tình hình quản lý và sử dụng các loại nguyên vật liệu bao gồm việc phân tích khoản chi phí vật liệu trong giá thành.

Mỗi loại sản phẩm tại công ty sản xuất và chế tạo cần nhiều loại vật liệu khác nhau, với mức tiêu hao và đơn giá khác nhau. Với từng loại sản phẩm thì khoản chi phí vật liệu trong giá thành có thể được xác định theo công thức:

$$C_v = \sum SL \times m_i \times g_i - F$$

Trong đó:

C_v : Là chi phí vật liệu trong giá thành

SL : Là số lượng sản xuất của một loại sản phẩm

g_i : Là đơn giá vật liệu xuất dùng

F : Giá trị phế liệu thu hồi (nếu có)

m_i : Mức tiêu hao bình quân của từng loại vật liệu.

Sau đó xác định khoản chi phí vật liệu kế hoạch được điều chỉnh theo sản lượng thực tế:

$$C_{v1} = \sum SL_1 \times m_{1i} \times g_{1i} - F_1$$

$$C_{v0}^d = \sum SL_1 \times m_{0i} \times g_{0i} - F_0^d$$

Trong đó: $F_0^d = \frac{F_0 \times SL_1}{SL_0}$

Sau đó xác định khoản chi vật liệu thực tế:

$$\Delta C_v = C_{v1} - C_{v0}^d$$

So sánh giữa khoản chi phí thực tế với kế hoạch sẽ xác định được chênh lệch và có thể đưa ra kết luận về chi phí vật liệu trong giá thành. Từ đó có thể xác định được mức độ ảnh hưởng của các nhân tố:

- Do mức tiêu hao bình quân thay đổi
- Do giá vật liệu xuất dùng thay đổi
- Do giá trị phế liệu thu hồi thay đổi
- Do sử dụng vật liệu thay thế

.....

Ví dụ:

Công ty TNHH Thương mại VIC có tài liệu sau:

STT	CHỈ TIÊU	KH	TT
1	Số lượng sản phẩm cám hỗn hợp đậm đặc được sản xuất (kg)	130,000	150,000
2	Tổng khối lượng vật liệu xuất dùng (kg)		
	- Vật liệu "Sắn lát"	260,000	285,000
	- Vật liệu "Đậu tương hạt"	455,000	525,000
	- Vật liệu "Bột cá bổ sung"	195,000	
3.	Giá bình quân 1kg vật liệu		
	- Vật liệu "Sắn lát"	2,000	1,976
	- Vật liệu "Đậu tương hạt"	9,300	9,500
	- Vật liệu "Bột cá bổ sung"	12,000	
4	Trị giá phế liệu thải loại	140,000,000	145,000,000
5	Tỷ lệ phế liệu thu hồi	70%	60%
6	Trị giá phế liệu thu hồi	98,000,000	87,000,000

Trong kỳ, do không mua được nguyên liệu "Bột cá bổ sung", công ty đã phải mua và sử dụng nguyên liệu "Bột cá loại 65 độ đậm". Tổng khối lượng xuất dùng thực tế là 202,500kg, đơn giá bình quân 1 kg là: 10,500đ/kg

Như vậy, qua tài liệu trên công ty tiến hành phân tích và đánh giá các khoản chi nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm cám hỗn hợp đậm đặc như sau:

Ta có, mức tiêu hao bình quân/ sản phẩm của từng loại sản phẩm:

	KH	TT
Vật liệu "Sắn lát"	$\frac{260,000}{130,000} = 2$	$\frac{285,000}{150,000} = 1.9$
Vật liệu "Đậu tương hạt"	$\frac{455,000}{130,000} = 3.5$	$\frac{525,000}{150,000} = 3.5$
Vật liệu "Bột cá bổ sung"	$\frac{195,000}{130,000} = 1.5$	
Vật liệu "Bột cá loại 65đ"		$\frac{202,500}{150,000} = 1.35$

Thứ nhất: Đánh giá chung các khoản chi nguyên vật liệu (sử dụng phương pháp so sánh)

Ta có:

$$C_v = \sum S_l \times m_i \times g_i - F$$

$$C_{v1} - C_{v0}^d = \Delta C_v$$

$$\begin{aligned} * C_{v1} &= \sum S_{l1} \times m_{1i} \times g_{1i} - F_1 \\ &= 150,000 \times 1.9 \times 1,976 + 150,000 \times 3.5 \times 9,500 + 150,000 \times 1.35 \times \\ &\quad \times 10,500 - 87,000,000. \\ &= 7,589,910,000 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} * C_{v0}^d &= \sum S_{l1} \times m_{0i} \times g_{0i} - F_0^d \\ F_0^d &= \frac{F_0 \times S_{L1}}{S_{L0}} = 98,000,000 \times \frac{150,000}{130,000} = 113,076,923 \\ C_{v0}^d &= 150,000 \times 2 \times 2,000 + 150,000 \times 3.5 \times 9,300 + 150,000 \times 1.5 \times \\ &\quad \times 12,000 - 113,076,923 \end{aligned}$$

$$= 8,069,423,077$$

$$\Delta C_v = 7,589,910,000 - 8,069,423,077$$

$$= - 479,513,077$$

Thứ hai: Phân tích các nhân tố và nguyên nhân ảnh hưởng tới ΔC_v .

* Mức độ ảnh hưởng của nhân tố mức tiêu hao bình quân từng loại nguyên vật liệu (m).

$$\begin{aligned}\Delta C_v(m) &= \sum S_{l_1} \times (m_{li} - m_{oi}) \times g_{oi} \\ &= 150,000 \times (1.9 - 2) \times 2,000 + 150,000 \times (3.5 - 3.5) \times 9,300 \\ &= - 30,000,000\end{aligned}$$

* Mức độ ảnh hưởng của nhân tố đơn giá nguyên vật liệu xuất dùng (g).

$$\begin{aligned}\Delta C_v(g) &= \sum S_{l_1} \times m_{li} \times (g_{li} - g_{oi}) \\ &= 150,000 \times 1.9 \times (1,976 - 2,000) + 150,000 \times 3.5 \times (9,500 - 9,300) \\ &= 98,160,000\end{aligned}$$

* Mức độ ảnh hưởng của nhân tố phế liệu thu hồi.

$$\begin{aligned}\Delta C_v(F) &= - (F_1 - F_o^d) \\ &= - (87,000,000 - 113,076,923) \\ &= 26,076,923\end{aligned}$$

* Mức độ ảnh hưởng của nhân tố vật liệu thay thế.

$$\begin{aligned}\Delta C_v(vt) &= C_{vtdtt} - C_{vtbtt} \\ C_{vtdtt} &= \sum S_{l_1} \times m_{dttli} \times g_{dttli} \\ &= 150,000 \times 1.35 \times 10,500 \\ &= 2,126,250,000\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}C_{vtbtt} &= \sum S_{l_1} \times m_{bttli} \times g_{bttli} \\ &= 150,000 \times 1.5 \times 12,000 \\ &= 2,700,000,000\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\Delta C_v(vt) &= 2,126,250,000 - 2,700,000,000 \\ &= - 573.750.000\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\text{N như vậy: } \Delta C_v &= \Delta C_v(m) + \Delta C_v(g) + \Delta C_v(F) + \Delta C_v(vt) \\ &= - 30,000,000 + 98,160,000 + 26,076,923 + (-573,750,000) \\ &= - 479,513,077\end{aligned}$$

Nhân xét:

* Đánh giá chung: Có $\Delta C_v = - 479,513,077 < 0$: Doanh nghiệp đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Doanh nghiệp đã tiết kiệm được chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

* Các nhân tố ảnh hưởng và nguyên nhân:

- Nhân tố mức tiêu hao bình quân từng loại nguyên vật liệu giảm từ 2 xuống 1.9, làm cho $\Delta C_v(m)$ giảm 30,000,000. Công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty là tốt.

- Nhân tố đơn giá vật liệu xuất dùng:

Vật liệu "Sắn lát" giảm từ 2,000đ/kg xuống 1,976đ/kg

Vật liệu "Đậu tương hạt" tăng từ 9,300đ/kg lên 9,500đ/kg.

Làm cho $\Delta C_v(g)$ tăng 98,160,000. Qua đó, ta thấy công ty chưa làm tốt đơn giá xuất dùng vật liệu "Đậu tương hạt", công ty cần tìm hiểu nguyên nhân và biện pháp khắc phục.

- Nhân tố phế liệu thu hồi: $\Delta C_v(F) = 26,076,923$, công tác tận thu phế liệu của công ty rất tốt.

- Nhân tố vật liệu thay thế: Trong kỳ, công ty đã sử dụng vật liệu "Bột cá loại 65đ đậm" với đơn giá nhỏ hơn để thay thế cho vật liệu "Bột cá bổ sung", làm cho $\Delta C_v(vt)$ giảm 573,750,000. Việc sử dụng nguyên vật liệu thay thế của công ty đạt hiệu quả rất cao. Công ty cần đi sâu vào nghiên cứu và tìm kiếm những vật liệu có khả năng thay thế, với giá thấp hơn, giảm thiểu được chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Sáu là: Công tác thu mua, vận chuyển và xây dựng định mức dự trữ.

- Do công ty nhập khẩu là nhiều nên quá trình thu mua vận chuyển khá xa xôi và tốn kém. Vì vậy, việc rơi vãi, hao hụt là rất nhiều. Để khắc phục vấn đề này, công ty cần nâng cao tinh thần trách nhiệm của công nhân, bởi công ty có mô hình chuyên tổ chức thu mua, bốc xếp riêng. Công nhân cần có ý thức và cẩn thận hơn trong quá trình vận chuyển và bốc xếp tránh rơi vãi, lãng phí.

- Trong công tác xây dựng định mức dự trữ: Để công tác thu mua dự trữ nguyên vật liệu không bị động cũng như tình trạng tồn đọng nhiều, gây ứ đọng

vốn thì công ty nên xây dựng định mức dự trữ cho từng mức nguyên vật liệu. Việc xây dựng này căn cứ trên kế hoạch sản xuất định mức tiêu hao từng loại nguyên vật liệu.

Với tình hình biến động của thị trường như hiện nay, công ty cần có những biện pháp thiết thực hơn nữa nhằm nâng cao hiệu quả quản trị nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Bây là: Công tác phân tích, đánh giá tình hình sử dụng yếu tố nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.

Phân tích tình hình sử dụng yếu tố nguyên vật liệu.

Sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu là một trong những mục tiêu cơ bản để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tăng mức lợi nhuận cho Doanh nghiệp. Việc phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu vào sản xuất sản phẩm phải được tiến hành thường xuyên, định kỳ trên các mặt: Khối lượng nguyên vật liệu, định mức tiêu hao nguyên vật liệu để sản xuất ra đơn vị sản phẩm.

Phân tích tình hình sử dụng khối lượng nguyên vật liệu vào sản xuất sản phẩm.

Lượng NVL xuất sản phẩm = Lượng NVL dùng cho sản xuất sản phẩm - Lượng NVL còn lại chưa dùng đến

Lượng nguyên vật liệu còn lại chưa dùng đến, cuối kỳ kiểm kê thường có sự chênh lệch không đáng kể. Nếu lượng nguyên vật liệu còn lại chưa hoặc không dùng đến bằng 0 thì:

Lượng NVL dùng cho sản xuất sản phẩm = Lượng NVL xuất cho sản xuất sản phẩm

Để phân tích mức độ đảm bảo khối lượng nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm, cần tính ra hệ số:

Hệ số đảm bảo NVL cho sản xuất = $\frac{\text{Lượng NVL dự trữ đầu kỳ} + \text{Lượng NVL nhập trong kỳ}}{\text{Lượng NVL cần dùng trong kỳ}}$

Các chỉ tiêu trên cần tính và phân tích cho từng loại nguyên vật liệu, đặc biệt đối với các loại nguyên vật liệu không thay thế được.

Có 2 mức biến động sau:

- Mức biến động tuyệt đối: Lấy khối lượng nguyên vật liệu tiêu dùng thực tế (M_1) so với khối lượng nguyên vật liệu trong kỳ kế hoạch (M_k) theo công thức:

$$\text{Số tương đối: } \frac{M_1}{M_k} \times 100\%$$

$$\text{Số tuyệt đối: } \Delta M = M_1 - M_k$$

Kết quả tính toán trên cho thấy, khối lượng nguyên vật liệu dùng thực cho sản xuất sản phẩm thực tế so với kế hoạch tăng hay giảm. Việc tổ chức cung cấp nguyên vật liệu tốt hay xấu.

- Mức biến động tương đối:

$$\text{Số tương đối: } \frac{M_1}{M_k \cdot \frac{Q_1}{Q_k}} \times 100\%$$

$$\text{Số tuyệt đối: } \Delta M = M_1 - M_k \cdot \frac{Q_1}{Q_k}$$

Trong đó: Q_1, Q_k - Khối lượng sản phẩm hoàn thành thực tế và kế hoạch

$M_k \cdot \frac{Q_1}{Q_k}$ - Khối lượng NVL kế hoạch nhưng chưa được điều

chỉnh theo tỷ lệ hoàn thành kế hoạch sản lượng sản phẩm.

Kết quả tính trên phản ánh được mức sử dụng nguyên vật liệu vào sản xuất sản phẩm đã tiết kiệm hay lãng phí.

Phân tích mức tiêu dùng nguyên vật liệu cho sản xuất đơn vị sản phẩm.

Khối lượng nguyên vật liệu dùng cho sản xuất sản phẩm trong kỳ chia thành 3 bộ phận chủ yếu:

- Bộ phận cơ bản tiêu dùng để tạo thành thực thể hoặc trọng lượng tinh của sản phẩm hoàn thành.

- Bộ phận tạo thành phế liệu, dự liệu trong quá trình sản xuất sản phẩm.

- Bộ phận tạo thành sản phẩm hỏng trong quá trình sản xuất.

Mức tiêu dùng nguyên vật liệu cho sản xuất đơn vị sản phẩm được tính bằng công thức:

$$m = \frac{M}{Q}$$

Trong đó: M - Khối lượng nguyên vật liệu dùng cho sản xuất sản phẩm trong kỳ.

Q - Khối lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

Mức tiêu dùng nguyên vật liệu cho sản xuất đơn vị sản phẩm trong kỳ bao gồm ba bộ phận cấu thành:

$$m = k + f + h$$

Trong đó:

k - Trọng lượng tinh hoặc thực thể sản phẩm

f - Mức phế liệu, dự liệu bình quân của đơn vị sản phẩm hoàn thành.

h - Mức tiêu phí nguyên vật liệu cho sản phẩm hỏng bình quân của đơn vị sản phẩm hoàn thành.

Đối với những sản phẩm sản xuất từ nhiều loại nguyên vật liệu, mức chi phí nguyên vật liệu để sản xuất đơn vị sản phẩm được tính bằng công thức:

$$\sum M_1 S_1 = \sum (k_1 + f_1 + h_1) s_1$$

Như vậy, mức chi phí nguyên vật liệu sản xuất đơn vị sản phẩm chịu ảnh hưởng của 2 nhân tố: Mức tiêu dùng nguyên vật liệu từng loại xuất dùng cho sản xuất đơn vị sản phẩm (m_1) và giá thành đơn vị nguyên vật liệu từng loại xuất dùng cho sản xuất đơn vị sản phẩm. Nhưng, bản thân mức tiêu dùng từng loại nguyên vật liệu cho sản xuất đơn vị sản phẩm lại chịu ảnh hưởng của 3 nhân tố: Trọng lượng tinh, mức phế liệu, và mức tiêu phí nguyên vật liệu cho từng sản phẩm. Có thể phân tích mức độ hoàn thành kế hoạch mức tiêu dùng nguyên vật liệu cho sản xuất đơn vị sản phẩm ảnh hưởng lần lượt từng nhân sau:

- Mức tiết kiệm nguyên vật liệu cho sản xuất đơn vị sản phẩm:

$$\Delta m = m_1 - m_k = (k_1 - k_k) + (f_1 - f_k) + (h_1 - h_k)$$

- Mức tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu cho sản xuất đơn vị sản phẩm:

$$\Delta m_s = \sum m_{il} s_{il} - \sum m_{ik} s_{ik}$$

Phân tích tình hình biến động tổng mức chi phí nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm.

- Phân tích tổng mức chi phí nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm phụ thuộc vào các nhân tố sau:

- + Khối lượng sản phẩm hoàn thành (q_i);
- + Kết cấu về khối lượng sản phẩm;
- + Định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho 1 đơn vị sản phẩm (m_i);
- + Đơn giá của nguyên vật liệu.

Vậy tổng mức chi phí nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm được tính bằng công thức:

$$M = \sum q_i m_i s_i$$

Để phân tích trình độ hoàn thành kế hoạch về tổng mức chi phí nguyên vật liệu:

$$\Delta M = M_1 - M_k = \sum q_{il} m_{il} s_{il} - \sum q_{ik} m_{ik} s_{ik}$$

- Phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu qua các công đoạn sản xuất.

Quá trình sản xuất sản phẩm của Doanh nghiệp thường trải qua nhiều công đoạn sản xuất. Nguyên vật liệu phục vụ cho quá trình này có thể cung cấp dần cho từng công đoạn sản xuất đầu tiên của dây chuyền sản xuất. Cứ qua mỗi công đoạn sản xuất, sản phẩm của Doanh nghiệp được hoàn chỉnh thêm một bước. Trong quá trình chế biến ở từng công đoạn sản xuất, phế liệu, phế phẩm cũng được sinh ra làm hao hụt nguyên vật liệu.

Phân tích mối quan hệ giữa tình hình cung cấp, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu đến kết quả sản xuất, kinh doanh.

Việc cung ứng, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm đảm bảo tốt thì kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sẽ cao. Mối quan hệ này được biểu hiện ở công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Khối lượng} \\ \text{sản phẩm} \\ \text{sản xuất} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Khối lượng} \\ \text{NVL tồn kho} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Khối lượng} \\ \text{NVL nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Khối lượng} \\ \text{NVL dự trữ} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}}{\text{Mức tiêu dùng NVL cho sản xuất đơn vị sản phẩm}}$$

Xác định đối tượng phân tích:

$$\Delta q = q_i - q_k$$

Trong đó: q_i, q_k : Khối lượng sản phẩm sản xuất thực tế và kế hoạch.

Δq : Mức chênh lệch tuyệt đối về khối lượng sản phẩm sản xuất giữa thực tế và kế hoạch.

KẾT LUẬN

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH Thương mại VIC, em nhận thấy rõ được tầm quan trọng và sự ảnh hưởng to lớn của công tác kế toán nguyên vật liệu tới quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Hạch toán nguyên vật liệu là công cụ đắc lực giúp cho lãnh đạo Công ty nắm bắt được tình hình và chỉ đạo sản xuất cũng như việc lập kế hoạch thu mua, sử dụng và chi tiêu nguyên vật liệu thích hợp từ đó có ý nghĩa quyết định đến việc hạ giá thành công trình, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Như vậy, có thể thấy tổ chức kế toán nguyên vật liệu đóng vai trò rất quan trọng là nhu cầu tất yếu của công tác quản lý. Công tác kế toán nguyên vật liệu cần phải được quan tâm đúng mức, luôn được hoàn thiện và đổi mới.

Đề tài là kết quả của sự vận dụng lý luận vào thực tế, bám sát thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu tại đơn vị. Ba vấn đề lớn, có ý nghĩa hết sức quan trọng trong phạm vi nghiên cứu đã được đề tài làm sáng tỏ đó là:

- Những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất;
- Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất;
- Những giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu được xây dựng trên cơ sở thực tế tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại một doanh nghiệp sản xuất.

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ chi dẫn tận tình của cán bộ Phòng kế toán công ty TNHH Thương mại VIC và đặc biệt là cô giáo PGS,T.S Trương Thị Thuỷ trong thời gian qua đã tạo điều kiện cho em hoàn thành luận văn này.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Nguyễn Thị Dung

